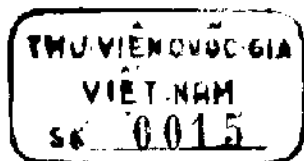


HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Luận Văn Tốt-Nghiệp

CHÍNH-SÁCH THƯƠNG-VỤ CỦA NỀN ĐỆ NHỊ CỘNG-HÒA



Giáo sư hướng dẫn :

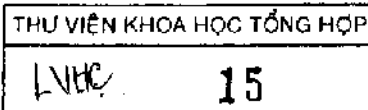
TẠ - VĂN - TÀI

Tiến Sĩ Chính Trị Học

Sinh viên : ĐẮC-HỮU-THIÊN

BAN ĐỐC-SỰ KHÓA XVII

Học Khóa 1969 - 1972



"HOC-VIEN QUOC-GIA HANH-CHANH

khong tan-thanh cung khong phan-doi nhung y-
kien phat-bieu trong Luan-van. Nhung y-kien
do do tac-gia hoan-toan chiu trach-nhiem."

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Giáo sư T A V Æ N T A I
Tiên Sĩ Chính Trị Học

Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi
hoàn thành Luận văn này.

CHÂN THÀNH CẢM TẠ

- * GIÁO SƯ VIỆN TRƯỞNG
- * GIÁO SƯ PHÓ VIỆN TRƯỞNG
- * QUÍ VỊ GIÁO SƯ TRONG BAN GIẢNG HUẤN

*Đã hướng dẫn và dạy dỗ chúng tôi
trong suốt học trình.*

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ ĐẦU .-

<u>CHƯƠNG DẪN NHẬP : TÌM QUAN TRỌNG CỦA CAO NGUYÊN</u>	2
<u>MỤC A : NGUỒN GỐC CÁC SẮC DÂN, SINH HOẠT VÀ PHONG TỤC, TẬP QUÁN CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG</u>	2
<u>ĐOẠN I : NGUỒN GỐC CÁC SẮC DÂN</u>	2
A.- Nhóm Malayo-Polynésien	4
B.- Nhóm môn Khmer	5
<u>ĐOẠN II : SINH HOẠT VÀ PHONG TỤC, TẬP QUÁN CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG</u>	6
A.- Tổ-chức xã hội và vấn-đề giai cấp	6
B.- Sinh-hoạt văn-hoá và tín ngưỡng	7
C.- Sinh-hoạt kinh-tế trong xã hội đồng bào Thượng	8
<u>MỤC B : TÌM QUAN TRỌNG CỦA CAO NGUYÊN</u>	9
<u>ĐOẠN 1 : KHẢ NĂNG KINH TẾ CỦA CAO NGUYÊN</u>	9
<u>ĐOẠN 2 : VAI TRÒ CHIẾN-LƯỢC CỦA CAO-NGUYÊN</u>	10
<u>ĐOẠN 3 : VẤN ĐỀ NHÂN-CHỨNG MỘT KHÍA CẠNH CHÍNH TRỊ</u>	12

CHƯƠNG THỨ NHẤT .-

<u>SƠ LƯỢC CHÁNH-SÁCH THƯỢNG VỤ CỦA CHÍNH QUYỀN VIỆT-NAM TỪ THỜI PHÁP THUỘC ĐẾN NGÀY THÀNH LẬP NỀN ĐỆ NHI CỘNG HÒA</u>	14
<u>MỤC A : CHÁNH SÁCH THƯỢNG VỤ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC VÀ DƯỚI THỜI HOÀNG ĐẾ BẢO HAI.</u>	15
<u>MỤC B : CHÁNH SÁCH TÂY NGUYÊN TỰ TRỊ CỦA VIỆT-CỘNG</u>	18

	Trang
<u>MỤC C.</u> - CHÁNH SÁCH THƯƠNG VỤ DƯỚI NỀN ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA DÂN TỘC HÓA.	21
<u>MỤC D.</u> - CHÁNH SÁCH HÒA ĐỒNG ĐỒNG TIẾN TRONG TINH THẦN THỐNG NHẤT QUỐC GIA TỪ CÁCH MẠNG NGÀY 01.11.1963 ĐẾN NGÀY 1.4.1967	26
<u>CHƯƠNG THỨ HAI</u> - CHÁNH SÁCH THƯƠNG VỤ NỀN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA	29
<u>MỤC A.</u> - THỰC TRẠNG, NHU CẦU VÀ NGUYỆN VỌNG CỦA ĐỒNG BÀO THƯƠNG MIỀN NAM.	30
<u>ĐOẠN I.</u> - Thực trạng về thân phận các sắc dân thiểu số	30
A.- Địa vị của đồng bào sơn cước trên quan niệm bình dẳng	30
B.- Địa vị của những nhóm sắc tộc trong vấn đề nhân dạng và nghề nghiệp	31
<u>ĐOẠN II.</u> - Nhu Cầu và nguyện vọng của đồng bào Thương	32
A.- Về phương diện Chính trị - Kinh tế	34
B.- Về phương diện Văn Hóa Xã Hội	36
C.- Nhận xét về nhu cầu và nguyện vọng	37
<u>MỤC B.</u> - SẮC LUẬT SỐ 033/67 : NỘI DUNG VÀ THÀNH QUẢ	39
<u>ĐOẠN I.</u> - Bối cảnh Chính Trị Pháp Lý của Chánh Sách Thương Vụ hiện tại qua Sắc Luật số 033/67	39
<u>ĐOẠN II.</u> - Nội dung và Thành quả	40
A.- Nội-dung	40
B.- Thành-quả	42
<u>ĐOẠN III.</u> - Nhận định về Quy chế 033/67 ngày 29.8.67	48
<u>CHƯƠNG THỨ BA.</u> - CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ NGHỊ	51
<u>ĐOẠN I</u> : Phương diện cơ cấu	51
<u>ĐOẠN II</u> : Phương diện Nhân sự	53
<u>ĐOẠN III</u> : Phương diện các Biện Pháp đang áp dụng	54
A.- Trên bình diện kinh tế	54
B.- Trên bình diện xã-hội	55
C.- Trên bình diện Giáo-dục	55
D.- Trên bình diện Hành chánh, Chánh trị	56
E.- Trên bình diện Tư-pháp	59

Do Võ Phi Hùng Cọu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

LỜI MỞ ĐẦU

Tại Việt-Nam đã từ lâu có một số lớn bộ lạc sống rải rác tại những vùng núi thuộc biên giới Lào Việt, Miên Việt. Các nhà nhân chủng học gọi những bộ lạc này là nhóm thiểu số hoặc gọi là đồng bào sơn cước.

Nếu ai nhìn thấy tận mắt thực trạng sinh sống của đồng bào sơn cước thì ít ra cũng phải cảm thấy xúc động.

Đi sâu vào buôn, ấp của người Thượng sẽ thấy những căn nhà sàn sơ-sác, dân chúng sống vô tổ chức, khổ sở, thiếu vệ sinh và hầu hết thanh thiếu niên nam nữ đều thất học.

Trải qua nhiều thời kỳ quân chủ, Pháp thuộc, Việt Minh, Quốc Gia các chính quyền liên tiếp cũng đã chiếu cố đến Cao Nguyên Miền-Nam, song chưa thấy một cố gắng thiết thực nào để canh tân xã hội miền Thượng trên các địa hạt Giáo-Dục, kinh tế, xã hội.

Qua nhiều giải pháp được trắc nghiệm, chúng ta nhận định được rằng một sự giải quyết đơn giản như đồng hoá đồng bào sơn cước như chính sách đồng hoá của nền đệ nhất Cộng Hoà, khó có thể thực-hiện. Ngược lại việc chấp nhận cho đồng bào sơn cước hoàn toàn tự trị như dưới thời quân chủ và Pháp thuộc qua chính sách "Cao Nguyên Hoàng Triều Cương Thổ" xét ra không thể chấp nhận được vì một chính sách như vậy vô tình đã tạo nên một tình trạng một quốc gia trong một quốc gia, cũng vì chính sách này đã được áp dụng suốt gần một thế kỷ từ năm 1887 là năm người Pháp đặt Phủ Toàn Quyền Đông Dương và về sau được nuôi dưỡng bởi Chính Phủ Bảo Đại mà mọi chính sách Thượng Vụ hiện tại đều gặp phải những khó khăn, mang màu sắc chính trị nhiều hơn là xã hội hay pháp lý.

Chúng ta có thể đồng ý rằng trong tiến trình pháp lý về vấn đề đồng bào Sơn Cước miền Nam, một số chính sách xem có vẻ phù hợp với những nguyên tắc căn bản về nhân quyền và về quy chế bảo vệ thiểu dân của quốc tế công pháp, nhưng trên thực tế đã không giải quyết được vấn đề đồng bào sơn cước miền Nam qua những phong trào chống đối và qua tình trạng sinh sống của họ.



CHƯƠNG DẪN NHẬP

**TÂM QUAN TRỌNG
CỦA CAO NGUYÊN**

Mục A
**NGUỒN GỐC CÁC SẮC DÂN, SINH HOẠT VÀ
PHONG TỤC TẬP QUÁN CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG**

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

ĐOẠN I : NGUỒN GỐC CÁC SẮC DÂN.-

Lãnh thổ Việt-Nam, về địa thế là ngã ba đường, nơi gặp gỡ mọi trào lưu tư tưởng của nhân loại (Âu Châu, Trung Hoa, Ấn Độ) về khí hậu như giáp với hai đại dương lớn nhất hoàn cầu là Thái Bình-Dương và Ấn Độ Dương từ Bắc xuống Nam Việt Nam hầu như có đủ mô dạng khí hậu.

Với các yếu tố thiên văn kể trên lãnh thổ VN được coi là địa bàn thuận lợi để nhiều giống dân khác nhau về chủng tộc cư trú. Cư dân trên lãnh thổ Việt-Nam có tính cách đa tạo rõ rệt.

Về trình độ văn minh ta phải kể từ giống người CIL chuyên môn sống trên đỉnh các ngọn núi cao thuộc Tuyên-Đức một giống người hiện ở trạng thái thô sơ đến giống dân đã hấp thụ nền văn minh Ấn-Độ là người Chăm tới người Việt đã hấp thụ một nền văn minh uyên bác ở Trung-Hoa.

Thượng dân là những giống dân sống trên cao độ, họ sống trên triền núi và tụ họp thành bộ lạc, văn hoá còn đơn giản, họ đã vượt qua trạng thái dùng đồ đá và hiện nay sống bằng nghề làm rẫy và một số ít sống bằng thủ công nghệ.

Họ là những đồng bào có những màu da khác nhau từ trắng đến nâu, và sẫm đen, mắt nâu, mũi tẹt và to, đó là hình ảnh của những đồng bào thiểu số. Họ được gọi là đồng bào Thượng để ám chỉ khu vực

Cao Nguyên nơi họ trú ngụ và sinh sống.

Nếu kể từ miền Thượng du Bắc Việt xuống miền Tây Nam Việt-Nam có khoảng 44 sắc tộc và riêng tại Nam Việt-Nam thì rải rác từ vùng đồi núi Quảng-Trị xuống các tỉnh miền cực Nam có khoảng 29 sắc tộc.

Theo các tài liệu thống kê của Bộ Phát Triển Sắc Tộc thì đại lược có thể phân loại đồng bào thiểu số là 29 sắc dân tại Nam Việt-Nam :

- BROU - PACOH - PHUONG - KATU - CUA - JEH -
- SEDANG - KAYONG - HRE - MONOM - HALANG - RENGAO
- BANNAR - MNONG - CIL - LAT
- SRE - MA - STIENG - NOP - CHRAU -
- JARAI - HROY - RHADÉ - N. ROGLAI - S.ROGLAI
- CHRU - CHAM - RAI

Trên phương diện văn hoá xã hội đồng bào thiểu số có thể chia làm 2 nhóm khác biệt :

1.- Nhóm thứ nhất :

Gồm các sắc tộc Mường, Mán, Thái, Thổ, Nùng. Nhóm này chỉ có thể tìm thấy ở các vùng Thượng Du Bắc Việt, và nếu có ở miền Nam Việt Nam thì là những người di cư từ Bắc Việt sau hiệp định Genève 1954. Nhóm này có một tổ chức xã hội phong kiến dưới sự cai trị thế tập và gia đình theo chế độ phụ hệ.

2.- Nhóm thứ nhì :

Gồm nhiều bộ lạc khác nhau, nói những thể ngữ khác nhau. Đồng bào Thượng tại Cao Nguyên Trung phần có bốn bộ lạc chính-tiểu biểu cho sinh-hoạt của tất cả các sắc tộc thiểu số, đó là : Rhadé, Jarais, Bahnar và Sédang.

Nhóm thứ hai này chia làm 2 nhóm, một nhóm gồm bộ lạc Jarais, Rhadé theo chế độ mẫu hệ và nhóm gồm Bahnar, Sédang theo chế độ phụ hệ.

Trên phương diện ngữ tộc, đồng bào thiểu số miền Nam Việt Nam chia làm 2 nhóm chủng tộc chính, đó là :

I Malayo - Polynésien

II Môn - Khmer

A.- NHÓM MALAYO-POLYNÉSIEIEN.

Được xếp vào nhóm này các sắc tộc sử dụng ngôn ngữ Malayo-Polynésien, thứ ngôn ngữ được dùng trong một diện tích rộng lớn từ đảo Pâques ở Thái-Bình Dương đến Madagascargồm cả Nam Dương quần đảo và Đài Loan. Thuộc chủng tộc này là những người Indonésien đã đến bán đảo Đông Dương trễ hơn. Ban đầu những người Thượng này ở rải rác khắp bán đảo Đông Dương. Có thể nói rằng các sắc tộc này là sở hữu chủ các khu vực bán đảo Đông Dương này, rồi dần dà họ bị dồn lèn vào các vùng núi, đồi trùng điệp và rời bỏ những thung lũng trù phú và vùng đồng bằng phì nhiêu qua những cuộc xâm lăng liên tiếp của bộ lạc Khmer, Chăm và Việt-Nam.

Các sắc tộc dùng ngôn ngữ Malayo-Polynésien dân số tổng cộng gần 500.000 người, gồm các sắc dân chính sau :

- DJARAI : hay còn gọi là Jarais gồm có các bộ lạc Nada, Tilenan, Hdrung, Hroi, Arap Chochorn, Hédrang, Hecban, Churu, Bloe và Halang. Có trên 100.000 người sống tại Kontum, Pleiku, Phú Bổn và Darlac.

- RHADE : Gồm các bộ lạc Ede, Adhem, Krung, Bloe, Span, Boh M'chur. Sắc dân này sống nhiều tại Darlac, một số ít sống tại Phú-Yên, Quảng-Đức, Khánh Hoà. Dân số chừng 100.000 người.

- ROGLAI : Với các bộ lạc Ragglai, Agglai, và Churu, có chừng 30.000 người sống trên miền Thượng Khánh Hoà, Bình Thuận, Tuyên-Đức và Lâm-Đồng.

- Koho : Gồm các bộ lạc Kol, Trong, Sré, Nop, Queyon, Tala, Pot, Lat, Maa, Bret, dân số chừng 61.000 người sống trên Cao-Nguyên Đồng Nai, gồm Tuyên Đức, Lâm Đồng, Bình Tuy, Long Khánh ...

B.- NHÓM MÔN-KHMER.-

Được xếp vào nhóm này các sắc tộc sử-dụng tiếng nói của các Thổ dân Miến Điện, Mã Lai và Khmer, các sắc tộc sử dụng ngôn ngữ này trên 600.000 người gồm các sắc dân chính sau :

- TEU : Với các bộ lạc Tòi ôi, Vân kiều, Kado, Inem Pakong. Dân số chừng 30.000 người sống tại các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, và Hiếu Đức, Quảng Nam.

- K'ITU : Với các bộ lạc Tạc-Minh, Xê Giang, Đường Nười Kha, có chừng 40 ngàn người sống tại Quảng Nam, Quảng Trị, một số ít ở miền Bắc Kontum và Quảng Ngãi.

- SÉDANG : Với các bộ lạc K'ITUA, Mewam Duon, Brao, Hamong, Dadreh, Konong, rải rác trên thung lũng của núi Ngọc Linh, từ phía Nam Dakto đến đông-bắc Kontum và Hậu Đức tỉnh Quảng Tín. Dân số khoảng 65.000 người.

- DIẾ : Gồm các bộ lạc HRÉ, ARÉ, KHÉT có chừng 50.000 người tại vùng Toumorong, Kontum, Quảng-Ngãi, sắc dân này chịu ảnh hưởng của người Sédang.

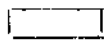
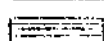
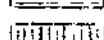
- BAHNAR : Gồm các bộ lạc Bonam, Chàm Hruì, Krun, Kronho, Tolo, Monom, Jolory, Ogu, Role, Lakong, Ronggao, có chừng 75.000 người sống trên địa phận Bình Định, Nam Kontum, Tây Pleiku.

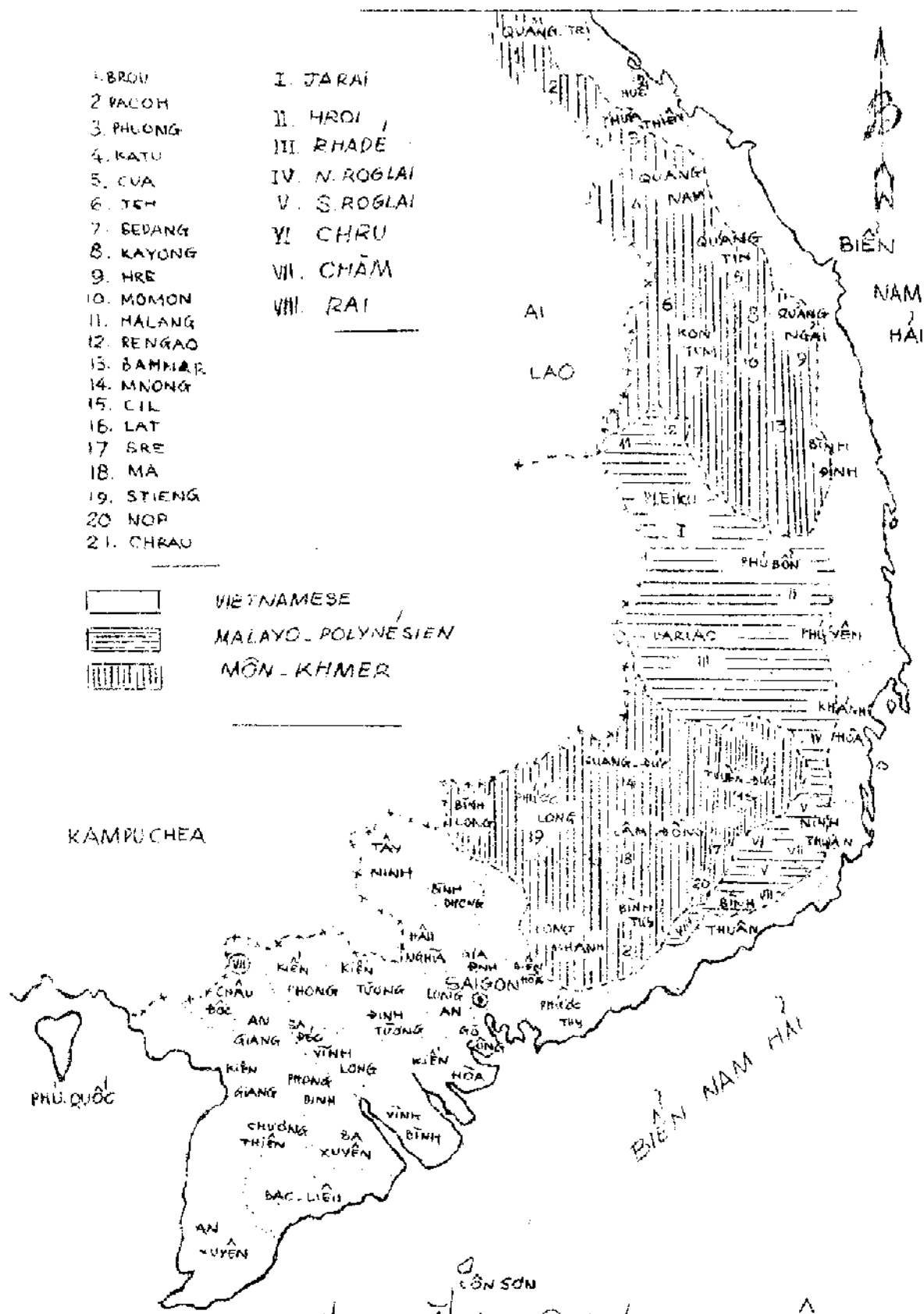
- M'NONG : Gồm có Gar, R'lam, Budông, Bung-Dih, Bri, Bunor sống trên vùng biên giới tại Quảng-Đức. Một số tại Nam Darlac, Bắc Phước Long, Tây Lâm-Đông, có chừng 25.000 người.

- STIENG là 1 sắc dân duy nhất không chia thành chi phái, ước chừng 20.000 người ở dọc theo biên giới Miên Việt, từ Tây Nam Quảng Đức tới Phước Long, Bình Long.

1. BROI
2. PALOH
3. PHUONG
4. KATU
5. CUA
6. TEM
7. BEDANG
8. KAYONG
9. HRE
10. MOMON
11. HALANG
12. RENGAO
13. BANNAR
14. MNONG
15. CIL
16. LAT
17. SRE
18. MA
19. STIENG
20. NOP
21. CHRAU

- I. JARAI
- II. HROI
- III. RHADE
- IV. N. ROGLAI
- V. S. ROGLAI
- VI. CHRU
- VII. CHAM
- VIII. RAI

-  VIETNAMESE
-  MALAYO-POLYNESIEN
-  MÔN-KHMER



CÁC SẮC TỘC tại NAM VIỆT NAM

ĐOẠN II : SINH-HOẠT VÀ PHONG-TỤC, TẬP QUÁN CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG.-

Với thành phần hỗn tạp gồm nhiều sắc dân, bộ lạc, mỗi sắc dân, bộ lạc lại có những sinh hoạt, tập quán khác nhau. Nhìn chung các sinh hoạt xã-hội, văn-hoá, kinh-tế của đồng bào Thượng vẫn ở trong tình trạng lạc hậu.

A.- TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ VẤN ĐỀ GIAI CẤP.-

Phần lớn gia-đình người Thượng đều theo chế độ mẫu hệ, chỉ trừ một số bộ lạc Tỏi ôi, Văn Kiều, Katu thuộc sắc dân TÊU ở miền Trung là theo chế độ phụ hệ.

Người Thượng sống thành đại gia-đình trong những nhà sàn dài, trong những làng mà người Sédang và Bahnar gọi là Plei, người Rhadé và Jarai gọi là buôn, mỗi làng người Thượng đều có một đình làng dùng làm nơi hội họp và canh gác.

Những nhà sàn cao, cách mặt đất chừng 2 thước, có nhà dài đến 20 thước, trong đó ba hoặc bốn gia đình sống chung với nhau, song mỗi gia đình đều có bếp nấu ăn riêng biệt. Căn đầu rộng rãi, cũng có bếp riêng đặc biệt dùng để tiếp khách. Đồng bào Thượng rất hiếu khách.

Đại-cương xã hội Thượng được phân chia thành các giai cấp như sau :

- Chúa vùng hay tộc trưởng
- Các bô lão
- Chủ làng
- Dân làng

Với các vị tộc trưởng hay chúa vùng, tất cả dân chúng trong vùng hoặc trong tộc đều phải phục tùng một cách tuyệt đối. Bên cạnh các vị tộc trưởng còn có một số ông người được kính trọng như các vị bô dân, thầy cúng, thầy ngãi.

Những người này đối với đồng bào Thượng họ là kẻ liên lạc giữa Nhang (Trời) và người trần nên họ được sự kính nể. Ngoài ra hiện nay một số người Thượng thuộc giống đôi quý tộc (thuộc sắc dân

hay bộ lạc lớn) một số có học thức. Họ là những công chức, sĩ quan được đa số đồng bào thuộc các sắc dân hay bộ lạc liên hệ vâng lời. Có thể nói họ là nhóm lãnh đạo đồng bào Thượng ở Cao Nguyên hiện nay. Ngoài các thành phần kể trên là dân làng rất lạc hậu chỉ lo sống du mục và cúng bái lễ lộc, uống rượu cần, đâm trâu theo phong tục cổ truyền. Họ ít quan tâm đến các vấn đề khác.

B.- SINH HOẠT VĂN HOÁ VÀ TÍN NGƯỠNG.

Trừ một số nhỏ văn minh tiến bộ, đa số người Thượng bị chi phối bởi những phong tục, tập quán cổ truyền đầy rẫy sự mê tín dị đoan mà nhiều khi phản khoa học, phản tự nhiên. Đây là những nguyên nhân chính làm cho xã hội Thượng chậm tiến, lạc-hậu.

Xã-hội Thượng chìm đắm trong tình trạng mù chữ. Đến khi người Pháp đặt chân lên Cao Nguyên, các nhà truyền giáo đã có phiên âm tiếng Thượng bằng những mẫu tự La-Tinh cho người Thượng.

Thời gian người Pháp cai trị Cao-Nguyên, một số người Thượng được hấp thụ nền giáo-dục do người Pháp-truyền bá để trở thành công chức phục vụ cho mau quốc, nhưng con số này rất ít, còn hầu hết các sắc dân, bộ lạc Thượng chưa hề-có ý niệm về văn tự.

Sinh hoạt tín ngưỡng phức tạp, thờ đa thần, cũng có một số ít là tín đồ Phật giáo, Công giáo, Tin lành. Mỗi một bộ lạc lựa chọn một vị thần để thờ cúng, với gần 100 bộ lạc, có gần hàng trăm vị thần khác nhau. Thần của họ là những thần sông, thần núi, thần rừng, thần suối, thần cây v.v... và vị thần tối Thượng của họ là "Nhang" hay là "Yang" tức là ông Trời.

Những phong tục tập quán của đồng bào Thượng có tính cách phức tạp, lạc hậu, đầy màu sắc huyền bí, dị đoan. Các phong tục tập quán của các sắc dân khác nhau về thờ cúng, nhà ở, cách ăn mặc, cưới hỏi, ma chay, tổ tụng Còn tại trung các phong tục tập quán đều tương tự.

Đồng bào Thượng có đầu óc bảo thủ, sợ sệt trước một thay đổi cho nên dù cho phong tục tập quán lạc hậu nhưng họ vẫn triệt để bảo tồn.

C.- SINH HOẠT KINH TẾ TRONG XÃ HỘI ĐỒNG BÀO THƯỢNG.

Đồng bào Thượng sống đời du canh nhàn hạ, nhu cầu sinh sống của họ rất giản dị. Đa số người dân chỉ cần nắm cơm với ít muối để đủ sống quanh năm mà không cần đến những tiện nghi vật chất khác.

Nghề sinh sống chính của người Thượng là "đốt rừng làm rẫy". Họ sử dụng một chiếc cốc thỏ sơ cán ngắn, lưới nhỏ, sau khi đã nổi lửa đốt rừng, họ dùng cốc sỏi đất để "chọc lỗ, gieo hạt" rồi chờ ngày gặt hái.

Trong suốt vụ mùa, công việc của họ là nằm ở chòi canh thú rừng tàn phá rẫy bãi. Sau đó họ có thể săn bẫy chút ít thú rừng hoặc tìm kiếm lâm sản để đổi chất lấy vải vật dụng như muối, vải, thuốc.

Một số ít đồng bào Thượng sinh sống với tiểu-công-nghệ như dệt vải, đan tre. Sau vài tháng đốt rừng làm rẫy, đồng bào Thượng khi rảnh rỗi thì đời sống lại xoay quanh các cuộc lễ tất, đám đình, cúng bái, uống rượu cần. Khi đã thu gặt hoa màu, họ định cư nếu đất đai còn tươi tốt, hoặc họ đi đến một nơi khác để đốt rừng làm rẫy tiếp tục cuộc sống du canh. Về lãnh vực này, quyền sở hữu đất đai do tục-lệ-Pháp chỉ phối từ ngàn xưa.

Tùy theo từng bộ lạc, công việc coi sóc đất đai được giao phó cho vị Bornok, Kourany, Po-U hay Polăn. Những vị này được coi như chủ đất nhưng thật ra các vị kể trên không phải là sở hữu chủ của đất đai, họ chỉ là những người hiểu biết rõ về phong tục, tập quán hoặc những người chiếm hữu đầu tiên. (1^{er} occupant), họ hiện diện để trông nom, cố vấn và tổ chức, xem xét lịch trình ngày tháng để cầu mưa cho những vụ mùa sắp đến, khăn vải Yang cho lúa mọc tươi tốt.

Với đời sống du canh nay đây mai đó cùng dụng cụ để canh tác thô sơ, lề lối-canh tác lạc hậu và còn bị những tập quán, phong tục, mê tín dị đoan ràng buộc, do đó mùa màng thu hoạch không đủ cung ứng cho nhu-cầu, nên phần lớn đồng bào Thượng sống một cách khổ cực, lam lũ.

Tóm lại, người Thượng hầu hết sống về nông nghiệp có tính cách bán khai, tuy nhiên họ sống nhờ lâm-sản nhiều hơn.

MỤC B : TÂM QUAN TRONG CỦA CAO NGUYÊN

Tình hình chính-trị Việt-Nam thời hậu cách mạng đã trải qua một thời kỳ khủng hoảng với những rối loạn chính trị nối tiếp. Ngoài ra những trận đánh khốc liệt ở chiến trường Cao Nguyên khởi đầu từ tháng 9 năm 1964 và do đó những địa danh Dakto, Pleime, Chuprong không còn xa lạ trong quần chúng.

Liên đó, một cuộc bạo động đẫm máu đã xảy ra tại buôn Burprang, Sarpa rồi Phú Thiện do "phong trào đòi tự trị Fulro" đã khiến cho dư luận trong và ngoài nước xao động. Vấn đề cao nguyên và đồng bào Sơn Cước đột nhiên trở thành một vấn đề được đặc biệt lưu tâm.

Thật ra, người ta đã nghe nói nhiều đến những cuộc tranh đấu của đồng bào Thượng từ năm 1957. Thế nhưng bên cạnh những sôi động nhất thời đó vấn đề lại chìm vào quên lãng, người ta cố tránh né không muốn đối diện với thực tế,

Cao Nguyên và những vấn đề nan giải bao quanh vùng đất này đã trở thành ung nhọt chính-trị, chưa tìm được liều thuốc chế ngự.

ĐOẠN I : KHẢ NĂNG KINH TẾ CỦA CAO NGUYÊN.-

Vùng cao nguyên với non một triệu dân thiểu số nhưng chiếm đến 2/5 diện tích lãnh thổ toàn quốc nên mật độ rất thấp, chỉ vài người trên 1 km². Người Thượng sống tụ tập thành từng buôn ấp chùng vài chục nóc gia, sống đời du-canh, du-cư, nền sinh hoạt nói chung đang ở trong tình trạng lạc hậu.

Miền Cao Nguyên bao la sẽ là nguồn lợi đáng kể cho Quốc-Gia Khả năng Lâm Sản dồi dào, rừng cung cấp các loại gỗ. Các vùng-đất màu mỡ dọc theo các thung lũng và các dòng sông thích hợp cho việc trồng trọt các loại cây kỹ nghệ.

Các đồn điền trà, cà phê hiện đang được khai thác đã chứng tỏ khả năng màu mỡ của đất, năng suất thu hoạch cao và cung ứng đủ cho nhu cầu nội địa.

Ngoài ra còn phải kể đến các đồng cỏ bát ngát ở vùng Pleiku và Ban-Lê-Thuột thích hợp để thiết lập trại chăn nuôi quy mô các đại gia súc như trâu, bò, ngựa, dê v.v...

Vùng cao nguyên chứa nhiều kho tàng khoáng sản chưa được khai thác.

Các thác nước với lưu lượng lớn diện cho việc thiết lập các nhà máy thủy điện có thể, theo các chuyên viên, có khả năng thủy điện để cung cấp đủ cho cả vùng Đông Dương.

Khi chiến tranh chấm dứt Cao Nguyên còn là nơi dung thân của các chiến binh giải ngũ có thể lên đến hàng trăm ngàn người.

Một khía cạnh khác của Cao Nguyên là với nhân số trên 800.000 người Thượng, sức cần lao chưa được tận dụng trong việc sản xuất, do đó nếu quan niệm đúng đắn tầm quan trọng của dân số trong việc phát triển kinh tế thì việc sử dụng nhân số cao nguyên sẽ góp phần không nhỏ trong việc phát triển nền kinh tế Quốc Gia. Đồng thời một chính sách lao động mềm dẻo thích nghi với hoàn cảnh xã hội địa phương sẽ cải tiến mối quan hệ sản xuất lao động trong đó hàm chứa cả vấn đề đoàn kết Kinh-Thượng.

Thế đất cao nguyên cùng với sự hiện diện của các sắc dân Thiểu số tại khu vực này đã làm cho cao nguyên giữ một vai trò trọng yếu trên phương diện địa lý-chiến lược và chính trị, ngoài ra với khả năng dồi dào về nhân lực và nguyên liệu phải chăng chính những yếu tố trên đã là áp lực thu hút ngoại bang chiếu cố đến phần đất này và do đó cũng là nguyên động lực chính của các sôi động chính trị một thời tại cao Nguyên?

ĐOẠN II : VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC CỦA CAO NGUYÊN.-

Tính chất hiểm trở của địa hình Cao-Nguyên với núi non trùng điệp với vị trí nằm án ngữ giữa ngã ba đường Việt-Miên-Lào, thêm vào đó sự hiện diện của non một triệu đồng bào Thượng khiến Cao-Nguyên Việt-Nam chiếm giữ vị trí địa lý chiến lược cực kỳ quan trọng, quyết định trận chiến hiện tại.

Trong năm 1971, với những kế hoạch hành quân Lam Sơn qua Hạ Lào của Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, và gần đây nhất là cuộc xua quân ô ạt của Cộng Sản Bắc Việt qua vĩ tuyến 17 đánh chiếm Quảng Trị, rồi qua vùng Tam Biên (biên giới Miên - Lào - Việt) và Kontum đã nói lên sự quan trọng của vị trí chiến lược vùng Cao Nguyên.

Sách lược quân sự cùng những dữ kiện lịch sử xác định ưu thế của núi rừng Cao Nguyên và nhất là vai trò của đồng bào Thiều số miền sơn cước trong bất cứ cuộc chiến tranh nào.

Lịch sử lập quốc của dân tộc Việt-Nam hơn một lần đã minh chứng ưu thế chiến lược của núi rừng cao nguyên, một giải Hoành-Sơn đã che chở, bao dung Nguyễn-Hoàng để rồi từ đó dựng xây sự nghiệp vẻ vang hoành thành cuộc vận lý trường chinh của dân tộc Việt.

Cuộc chiến tranh năm 1945-1954 bùng nổ trên toàn lãnh thổ Đông-Dương làm nổi bật vị trí chiến lược của núi rừng Việt-Bắc. Thực dân Pháp hiểu rõ tầm quan trọng của vấn đề này nên ngay khi được quân đội Đồng-Minh cho thay thế chiếm đóng miền Nam Việt-Nam, Pháp đã tiến chiếm Cao-Nguyên làm căn-cứ điểm trước khi tiến xuống vùng duyên hải Trung-Phần.

Đối với các chiến lược gia Cộng-Sản, Cao-Nguyên Miền-Nam đã trở thành trọng tâm của cuộc chiến. Trong kế hoạch "5 bước Cách Mạng Giải-Phóng Miền Nam" họ lấy rừng núi chế ngự nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị.

Việc chiếm cứ Cao Nguyên đánh dấu giai đoạn chót tổng phản công toàn diện miền Nam. Theo một tài liệu mới đây các chiến lược gia Cộng-Sản đã nhận định vai trò quan trọng của Cao-Nguyên trong cuộc chiến hiện tại như sau. "Cao Nguyên là căn cứ quân sự rất thuận tiện cho sự tiến lui của miền Nam và nói chung rất quan trọng cho cả khối miền Đông Nam Á-Châu. Do đó hễ nắm giữ được Cao Nguyên là giữ được chỗ tựa cho Cách Mạng. Trong thời chiến tranh Cao Nguyên là vị trí chiến lược của miền Nam, Cao-nguyên vững thì đồng bằng vững, cao nguyên mạnh thì đồng bằng mạnh.

Muốn vậy phải gây ý thức "dân tộc tự trị" nâng cao tinh thần dân tộc mạnh mẽ, xây dựng phải lâu dài và kiên trì. Vào năm 1967, Cộng sản đã từ thế giằng co lấy "chính trị là chính, quân sự là phụ" chuyển sang

chiến thuật vết dầu loang, dùng "chính trị và quân sự" hai chân đi song song" để làm ung thối hậu phương địch.

Dưới mắt các Tướng lãnh Việt-Nam Cộng-Hoà, mắt Cao-Nguyên tức là trận chiến đã được giải-quyết và phần bại sẽ về phe Quốc-Gia.

Chiến-thuyết Cao-Nguyên đã đặt nặng đến giá trị chiến thuật của Cao-Nguyên, một thế chân-vạc điều chỉnh hoạt-động quân sự của hai miền Trung và Nam phần. Xét về mặt phòng thủ thì Cao Nguyên che chở cho cánh đồng bằng nhỏ hẹp, đông dân cư, bị chia cắt ở đồng bằng miền Trung, đồng thời che chở cho Thủ Đô Saigon và đồng bằng Nam phần ~~đông phần~~.

Xét về mặt tấn công, Cao Nguyên là căn cứ quan trọng để phát xuất những đoàn quân qua Lào, tiến xuống đồng bằng Bắc phần để phối hợp với những hướng tiến từ duyên hải lên.

ĐOẠN III : VẤN ĐỀ NHÂN-CHUNG, MỘT KHÍA CẠNH CHÍNH TRỊ.-

Vị trí địa lý cùng bối cảnh lịch sử Cao-Nguyên, xác nhận tầm quan trọng của miền Cao Nguyên Rừng núi.

Trong thời kỳ quân chủ những khó khăn về chủng tộc không phải không có, nhưng vấn đề được giải quyết một cách êm đẹp. Triều đình Việt Nam chỉ biết đến người Thượng qua các viên quan sơn phòng trấn mà nhiệm vụ duy nhất là thu thuế và duy trì sự thần-phục đối với chính quyền Trung-Ương như chế độ xã thôn tự trị của các làng xã Việt-Nam.

Thế nhưng kể từ khi ngoại bang đặt chân lên đất Việt và nhất là sau khi phải rời bỏ Việt-Nam, vấn-đề dân tộc thiểu số lại trở nên sôi động với những đòi hỏi, chống đối liên tục. Sự kiện này đã làm sáng tỏ vấn đề phần nào và phong trào Fulro sẽ được hiểu để dàng như một phong trào đòi tự trị của một số sắc tộc hay là một âm mưu dọn đường trở lại cho đế quốc xa xưa.

Nhận chân được tầm quan trọng của vấn đề, mọi sự tìm hiểu cần trọng về sinh hoạt xã hội, văn hoá cùng sự hiện diện của đồng bào Thượng trong Quốc Gia Việt-Nam là một điều cần thiết.

Khi người Pháp xâm chiếm Việt-Nam, họ nghĩ ngay đến việc thu phục, mua chuộc các vị tù trưởng có uy tín mưu tách Cao Nguyên ra khỏi lãnh thổ Việt-Nam, biến Cao Nguyên thành một khu vực Hành Chánh riêng

biệt "dưới hình-thức liên-bang phụ-trách các dân-tộc sơn-cước miền Nam Đông-Dương" nhằm thực-thi-sách-lược chia để trị của họ. Biện-pháp cấm hẳn không cho người Kinh lên Cao-Nguyên cùng với những luận-diệu tuyên-truyền của thực-dân Pháp khiến hố ngăn-cách chia rẽ giữa người Kinh và người Thượng trở nên sâu xa hơn. Thêm vào đó những biện-pháp chính-quyền Ngô-dinh-Diệm áp-dụng tại Cao-Nguyên đã gây ra những bất mãn ngầm-ngầm trong dân-chúng. Sự dụng chạm này được thổi-phồng, bóp méo, gây căm-thù giữa người Kinh và người Thượng qua bàn tay của đối-phương và những kẻ âm-mưu trục-lợi trên Cao-Nguyên ý định xâm-chiếm Cao-Nguyên của Cộng-sản được bộc-lộ rõ-rệt qua chiến-dịch mùa mưa năm 1964. Cộng-sản đã lợi-dụng những lỗi-làm của chế-độ Ngô-dinh-Diệm để tuyên-truyền, xáo-động chiêu-bài "Tây-Nguyên Tự-Tri". Thêm vào đó, Cộng-sản không ngần-ngại cất cử Ông Y-BIH-ALÉO giữ chức-vụ phó Chủ-Tịch, lãnh-tụ số 2 của Mặt-Trận Giải-Phóng Miền-Nam.

Tầm quan-trọng của vấn-đề dân-tộc thiểu-số tại Cao-Nguyên còn được ghi-nhận qua sự chiếu-cổ đặc-biệt của người Mỹ, với các tổ-chức truyền-giáo, Biệt-Kích Thượng, Dân-Sự Chiến-Đấu Thượng.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

**SƠ LƯỢC CHÍNH SÁCH
THƯƠNG VỤ TỬ THỜI PHÁP
THUỘC ĐẾN NGÀY THÀNH
LẬP NỀN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA**

Mục A

CHÍNH SÁCH THƯỢNG VỤ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC VÀ DƯỚI THỜI HOÀNG ĐẾ BẢO ĐẠI

Trước khi Pháp chiếm Kinh-thành Huế vào năm 1885, vùng Sơn-cước tuy thuộc lãnh thổ Việt-Nam, nhưng triều-đình Việt-Nam chỉ mới đặt nền móng Hành-chánh cho Trấn-Nam hay Sơn Phòng-Trấn chạy dọc theo dãy trường-sơn từ Quảng-Nam xuống đến Bình-Thuận. Đứng đầu mỗi Châu (tương-dương với Quận hiện tại) có Tri-Châu dưới quyền của Tri-Châu có chánh, phó Tổng người Việt để cai-trị các Tổng-nguồn (tương-dương với các Tổng). Dưới các chánh Tổng có các đầu-mục và Sách-Trưởng, người Sơn-cước, để coi các sách tương-dương với Xã hiện tại.

Trong tổ-chức vừa nói trên chức vụ từ Chánh và Phó Tổng trở lên đều do người Việt đảm-trách. Chỉ riêng các Sách-Trưởng là người Sơn-Cước. Tổ-chức này phù-hợp với đời sống của đồng-bào Sơn-cước vì các bộ-lạc chỉ biết các Sách-Trưởng hay Ông già làng của họ. Như vậy đơn vị Hành-chánh căn-bản của đồng-bào Thiểu-số là các Sóc hay Sách hay Buôn, Plei (làng) Từ năm 1862 người Pháp đã bắt đầu xâm-nhập Cao-Nguyên Miền Nam và cố ý tách rời đất này ra khỏi lãnh thổ Việt-Nam.

Thật vậy kể từ 1899 do đề nghị của Khâm-đứ Trung-Kỳ Boulloche, Cao-Nguyên miền Nam đã đặt dưới sự cai-trị của Pháp. Tuy triều-đình Việt-Nam có đặt tại mỗi tỉnh một viên quân-đạo để lo an-ninh, trật-tự, nhưng trên thực-tế đây là chức vụ tượng-trưng.

Từ năm 1923, năm ban-hành Thông-Tư ngày 30.7.23 của Viên-Khâm-sứ Trung-Kỳ Pasquier, Chánh-sách của Pháp là :

- Ngăn cấm tối-đa việc tiếp-xúc và liên-lạc giữa người Sơn-Cước và người Việt để ngăn-ngừa những tổ-chức kháng Pháp.

- Nắm độc quyền khai-thác Cao-nguyên.
- Tách Cao-nguyên ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam.

Tuy nhiên người Pháp đã phải chịu đựng nhiều cuộc nổi dậy đẫm máu của người Sơn-Cước. Năm 1900 Sắc-tộc Bih đã nổi lên tại Darlac. Năm 1901, dân Sédang đã nổi lên tại Kontum giết chết viên Trưởng-Đồn Robert trấn giữ con đường liên-lạc của bộ-lạc Sédang từ Quảng-Nam đến Kontum. Năm 1904, viên quan cai-trị Pháp tên là Prosper Odenthal bị người Sơn-Cước giết chết cùng Đoàn tùy tùng. Năm 1935, Tử-Trưởng Anna-Trang-Long người M'Nong đã nổi lên tại Quảng-Đức. Nhưng âm mưu tách rời Cao-Nguyên khỏi Việt-Nam được thể-hiện rõ rệt nhất sau khi người Pháp tái-chiếm Việt-Nam năm 1945. Do dụ Liên-Bang ngày 27.5.1946 vùng Cao-Nguyên Miền Nam được trực-tiếp cai-trị bởi Cao-Ủy Pháp tại Đông-Dương. Rồi đến năm 1949 trước tình-thần chiến-đấu dành độc-lập của người Việt-Nam Chính-Phủ Pháp phải trả lại cho Việt-Nam tất cả hai miền Cao-Nguyên miền Bắc và Nam sau Hiệp-định ngày 8.3.1949.

Dẫu vậy người Pháp vẫn muốn bảo-vệ quyền-lợi của họ trên Cao-Nguyên nên trong giấc thức Tổng-thống Pháp gửi Bảo-Đại ngày 8.3.1949, Ông nhấn-mạnh vào sự khác biệt giữa người Kinh và người Thượng để yêu cầu Chánh-Phủ Việt-Nam ban-hành những quy-chế đặc-biệt cho đồng-bào.

Ngày 15.4.1950 Quốc-Trưởng Bảo-Đại ban-hành dụ số 6 tổ-chức vùng Cao-Nguyên thành Hoàng-Triều Cương-Thổ, Bắc và Nam đặt trực-thuộc quyền Quốc-Trưởng.

Theo Điều 2 Sắc-Lệnh số 3 ngày 25.7.1950, các Tỉnh Darlac, Đồng-Nai Thượng, Lâm Viên, Pleiku và Kontum hợp thành một địa-phận Hành-Chánh riêng-biệt gọi là Cao-Nguyên miền Nam đặt dưới quyền quản-trị của một vị Khâm-Mạng Hoàng-Triều Cương-Thổ.

Tiếp theo đó do Dụ số 16/QT/TD ngày 21.5.1951, Quốc-Trưởng Bảo-Đại đã ban hành một quy-chế riêng cho các Sắc-Tộc Thượng tại Cao-Nguyên Miền Nam gồm những đặc-điểm sau :

1.- Quy-chế nhằm mục-dịch bảo-đảm uy-quyền tối-cao của Quốc-Gia Việt-Nam, và sự phát-triển tự-do của Sắc-tộc Thượng trong sự tôn-trọng phong-tục tập-quán của đồng-bào Thượng.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

- 2.- Cao-nguyên miền Nam van trực-thuộc Quốc-Trưởng.
- 3.- Tôn-trọng các vị Tù-Trưởng, Bô-Lão, những người có uy-tín trong giới đồng-bào Thượng và hướng-dẫn những nhân-vật này trực-tiếp tham-gia vào việc điều-hành các cơ-sở Hành-Chánh, Chính-trị, Tư-Pháp tại Cao-Nguyên.
- 4.- Tổ-chức tòa án phong-tục Thượng để xét-xử các vụ án liên-quan giữa đồng-bào Thượng.
- 5.- Thành-lập một Hội-Đồng Kinh-tế để phát-triển kinh-tế Cao-nguyên.
- 6.- Quyền chủ đất Polân được tôn-trọng. Các vụ mua, thuê mướn đất-đai của đồng-bào Thượng được nhà cầm-quyền Hành-Chánh giải-quyết theo phong-tục, tập-quán Thượng sau khi hội-y với vị Tù-Trưởng địa-phương.
- 7.- Chính-phủ nghiên cứu và yểm-trợ các kế-hoạch phát-triển Y-tế, Văn-hóa, Xã-Hội trên vùng Thượng để nâng-cao đời-sống đồng-bào Thượng.
- 8.- Thơ-ngữ Thượng được dùng làm căn-bản cho việc giáo-dục ở bậc sơ và tiểu-học.-
- 9.- Đào-tạo cán-bộ Thượng các ngành, Y-tế, quân-sự, Hành-chánh và Giáo-Dục cung-ứng cho nhu-cầu Địa-phương.
- 10.- Việc thi-hành quân-dịch không áp-dụng gắt-gao với đồng-bào Thượng và các binh-sĩ Thượng được tổ-chức thành những đơn-vị Sơn-Cước ưu-tiên phục-vụ tại Cao-Nguyên.

Thật ra quy-chế của Dự số 16/QT/TĐ ngày 21.5.1951 nói trên có dụng ý là cố duy-trì việc tách rời Cao-Nguyên ra khỏi Lãnh-thổ Việt-Nam để bảo-vệ quyền-lợi của Pháp đang khai-thác tại đây. Chính vì sự tách rời này và sự hạn-chế giao-dịch giữa người Kinh và Thượng mà đồng-bào Sơn-Cước không được hưởng những tiến-bộ của Xã-hội và làm cho Chánh-sách Hòa-Đồng dân-tộc của Chính-phủ hiện tại thực-hiện rất chậm-chạp.

Mục B
**CHÁNH SÁCH TÂY NGUYÊN TỰ TRỊ
CỦA VIỆT CỘNG**

Tất cả Chánh-sách của Việt-Cộng trên vùng Cao-nguyên miền Nam Việt-Nam đều do chánh-quyền Bắc-Việt khai-sinh.

Sau Hiệp-định Genève năm 1954, những nhân-vật thiếu-số miền Nam đã cộng-tác với phong-trào Việt-Minh đều tập-kết ra Bắc.

Những người có vốn liếng học-thức khá được gửi đi du-học tại các nước Công-Sản. Những người có uy-tín được cử vào Ủy-ban Dân-tộc hoặc Quốc-Hội miền Bắc như Y-Ngong, Anna Khing, Anna Khê người Rhadé, H'Trol người Jarai. Số cán-bộ còn lại tham-dự các lớp huấn-luyện tại Trung-Tâm Lâm-Gia và Hồ-Tây.

Tại các buôn, ấp hẻo lánh miền Nam, Công-Sản cho mai-phục một số Cán-bộ nằm vùng người Thượng và người Kinh. Tại đây các cán-bộ Nam Nữ Việt-Cộng thường lấy vợ, lấy chồng người địa-phương, thay đổi y-phục, cà-răng, cẳng tai, để tránh né cơ-quan tình-báo của ta trong công việc tìm kiếm săn đuổi.

Khi Chánh-quyền Ngô-Dinh-Diệm đàn-áp phong-trào Fulro năm 1958, Bắc-Việt nắm lấy cơ-hội đưa cán-bộ hội-kết, phối-hợp với cán-bộ nằm vùng vận-động "Phong-Trào Tây-Nguyên tự-trị". Trong năm này Công-Sản tổ chức đưa ra từng đợt 50 người Thượng, tuổi từ 20 đến 50 ra thăm miền Bắc. Chính-quyền Hà-Nội đã tổ chức những cuộc tiếp-đón niềm-nở và đưa đoàn người này đi xem những cơ-sở tại các khu Tự-trị.

Ngay trong bản tuyên-cáo đầu tiên thành lập Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam năm 1960, người ta thấy Y-BIH ALÉO giữ chức vụ Phó Chủ-Tịch Mặt-Trận Kiên Chủ-Tịch Phong-Trào "Tây-Nguyên Tự-Trị".

Trong những truyền-đơn của Phong-trào Tây-Nguyên Tự-Trị có đoạn "Phong-trào Tây-Nguyên Tự-Trị là một bộ-phận kháng-khát của cuộc đấu -

tranh chung chống Mỹ Diêm ở Miền Nam. Phong-trào tự-trị Tây-Nguyên hoàn-toàn tán-thành bản-tuyên-ngôn của Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền-Nam Việt-Nam vì nguyên-luôn-luôn là một bộ-phận vững-chắc của Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam".

Năm 1961, Việt-Cộng đưa ra kế-hoạch chiếm-đoạt vùng Cao-Nguyên qua từng giai-đoạn :

Giai-đoạn I.- Xây-dựng và phát-triển quần-chúng và cơ-sở.

- * Tuyên-truyền, gây tin-tưởng và lôi cuốn quần chúng
- * Vận-động đoàn-kết các dân-tộc Thượng và gây cho họ ý-thức tự-trị.
- * Bồi dưỡng ý-chí căm-thù, lòng yêu-nước của dân-tộc Thượng và tạo cho họ tinh-thần ủng-hộ Cách-Mạng.
- * Phá kế-hoạch di-cư, đình-diễn và xây-dựng căn-cứ quân-sự.
- * Tổ-chức và bành-trướng cơ-sở quần-chúng.
- * Tổ-chức kinh-tế nhân-dân.

Giai-đoạn II.- Xây-dựng lực-lượng võ-trang và căn-cứ du-kích.-

- * Tổ-chức tự-vệ bí-mật.
- * Hướng-dẫn hoạt-động
- * Ấn-định vùng An-toàn, vùng bán-lề và vùng sát-nách Quốc-gia.

Giai-đoạn III.- Tổng-phản-công và cướp-chính-quyền.-

Phong-Trào Tây-Nguyên Tự-trị hoạt-động có kết-quả trong những năm 1959, 1960, 1961, Việt-Cộng từ những mật-khu kiên-cố đã mở-rộng ảnh-hưởng tới những làng-mạc và những nơi định-canh, định-cư heo-lánh.

Họ tổ-chức được nhiều cuộc chạy núi, nghĩa là tổ-chức từng làng đồng-bào thiếu-số từ vùng an-ninh của chính-quyền vào trong rừng sâu thuộc quyền họ kiểm-soát sau khi đốt phá nhà cửa, tiêu-hủy ruộng-rẫy, bắt xử cán-bộ Xã-Áp.

Năm 1962 chính-quyền ta đã phản-ứng lại bằng cách mở những cuộc hành-quân vào tận mật-khu, phá nát cơ-sở, tài-liệu, lương-thực.v.v... mật-khắc chính-phủ lập những vòng-đai bao-vây kinh-tế. Chiến-thuật này có hiệu-lực khiến cho đồng-bào Thượng theo Việt-Cộng vào núi sâu lâm vào tình-trạng quân-bách. Việt-Cộng khi đem đồng-bào Thượng vào mật-khu, cốt

dùng họ làm công tác sản-xuất, di dân công, nhưng trong hoàn-cảnh này cán-bộ Việt-Cộng đã không giải-quyết nơi miến ăn, cái mặc lại còn dọa nạt hứa hẹn hào-huyền.

Tháng 6 năm 1962 bắt đầu có những cuộc bỏ trốn khỏi mặt-khu đến các vùng an-toàn thuộc chính-quyền Việt-Nam Cộng-Hòa của 4.000 người bộ-tộc Gil và Mnong Gar tại các tỉnh Quảng Đức, Tuyên Đức. Đến năm 1963, số đồng-bào Thượng rời khỏi vùng Việt-Cộng kiểm-soát vô cùng đông-đảo.

Những năm gần đây chương-trình định-cư đồng-bào Thượng tỵ nạn Cộng-sản là một vấn-đề quan-trọng song-song với chương-trình tỵ-nạn Cộng-Sản của dân chúng miền xuôi.

Gần đây nhất nhân cuộc công-khai vượt tuyến xâm-lăng của Cộng-Sản Bắc-Việt người ta thấy sự thất-bại của chánh-sách của Việt-Cộng đối-với đồng-bào Thiểu-số miền Nam. Đồng-bào Thượng ở những tỉnh Phước Long, Bình-Long, Quảng-Đức, Kontum, Quảng-Tri đã cố tìm đường chạy trở về với chính-phủ Quốc gia để được hưởng bảo-đảm an-ninh, và cùng công-tác với chính-quyền để đánh đỏi cuộc xâm-lăng điên-cường của Cộng-Sản Bắc-Việt.

Mục C

CHÍNH SÁCH THƯỢNG VỤ DƯỚI THỜI ĐỆ I CỘNG HOÀ — DÂN TỘC HOÁ

Sau khi Quốc-Trưởng Bảo-Đại ủy-nhiệm cho Ngô-Đình-Diệm thành-lập Chính-phủ, Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm đã tìm cách bãi-bỏ ngay quy-chế Hoàng-Triều Cương-Thổ, quy-chế này tách một phần lãnh-thổ Quốc-Gia thành của riêng của Hoàng-Triều, làm sút mẻ tình đoàn-kết dân-tộc. Thủ-Tướng Diệm đã đề nghị sát nhập miền Thượng vào lãnh thổ Quốc Gia và được chấp nhận do Dụ số 21 của Quốc Trưởng Bảo-Đại ban hành ngày 11.3.1955. Thể hiện đúng tinh thần của dụ số 21, một Sắc lệnh cùng ngày đã thành-lập tòa Đại-Biểu Chính-Phủ tại Vùng Cao-Nguyên Trung-Phần.

Nhằm khai-hóa cho đồng-bào Sơn-cước, Thủ-Tướng Diệm đã chủ-trương chánh-sách "Dân-tộc hóa" trong một buổi lễ tuyên-thệ của đồng-bào sơn-cước ngày 12.6.1955 tại Ban mê Thuật.

"... Giữ đồng-bào Thượng và đồng-bào Kinh thực-hiện một nền tự-do bình-dẳng không có sự phân-biệt, chia-rẻ nào cả..."

"... Từ nay Kinh-Thượng đê huê, quên-dân-chính nhất-trí, thì cuộc khai-hóa miền Sơn-cước quyết sẽ thành-tựu trong một thời-gian ngắn-đẽ đem lại hạnh-phúc về vật-chất và tinh-thần cho chính các đồng-bào sơn-cước, đồng-thời gây-động sự phú-cường chung cho Quốc-Gia Việt-Nam chúng ta..."

Ông Diệm rất thành-thật khi tuyên bố Chính-Sách "Dân-tộc hóa" các sắc-tộc Thiểu số Việt-Nam, nhưng chính-sách của ông vì phải giải-quyết vấn-đề di-cư đồng-bào Bắc-Việt nên vấp phải những sai lầm như sau :

- Không tôn-trọng phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ Thượng bằng cách bãi bỏ các tòa-án phong-tục và hạn-chế việc dạy thổ-ngữ.

- Chủ-trương tiêu-diệt giai-cấp lãnh-đạo sơn-cước.

- Thực hiện nhiều cải cách quá mạnh mẽ và không cho đồng-bào Thượng học tập trước, khiến đồng-bào Thượng không theo kịp chủ-trương của Chính-Phủ.

- Không giáo-dục cán-bộ và đồng-bào Kinh cách đối-xử với đồng-bào Thượng nên khi thực-hiện chính-sách đình-diễn, đồng-bào Kinh đã ồ-ạt thiên-cư lên lập-nghiệp trên vùng Thượng và có thái-độ khinh-miệt, kỳ-thị khiến cho đồng-bào Thượng bất-miền.

- Phủ-nhận quyền sở-hữu đất-dai của đồng-bào Thượng bằng cách để cho đồng-bào di-cư chiếm đất-dai của người Thượng.

- Không có một chương-trình cải-tiến dân-sinh riêng cho đồng-bào Thượng, chính-phủ đem chương-trình của người Kinh áp-dụng máy-móc cho đồng-bào Thượng.

Hậu-quả của những sự sai-lầm trên làm cho người Thượng cảm thấy đang bị xâm-lãng. Vì vậy giới trí-thức Thượng đã liên-kết lại và lãnh-đạo Phong-trào tranh-dấu ngăn-ngậm từ năm 1957 và đến năm 1958 Phong-trào Bajaraka(1) bùng-nổ.

Để làm áp-lực với Chính-phủ Phong-trào đã kêu gọi Tổng-đình-công tại Ban-Mê-Thuật ngày 9.9.1958 nhưng không đầy một tuần-lễ sau (ngày 15.9.1958), 7 nhân-vật lãnh-đạo gồm :

- Ô.Ô : Y-BHAM, ENUOL - người Rhadé.
- PAUL - NUR - người Bahnar (Cựu Tổng Trưởng Sắc Tộc)
- NAY-LUETTE, - người Hroi (đương kim Tổng Trưởng Sắc Tộc)
- Y-YU-EBAN - Rhadé
- JOUNEH-YOH, - Churu
- SIU-SIPP - Jarai
- Y-THIH-EBAN - Rhadé.

Đều bị chính quyền bắt giam-giữ. Mặt khác chính-quyền ngưng việc nâng-dờ các học-sinh Thượng theo học tại Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh từ niên-khoá năm 1958 đến năm 1963. Nhưng nhận định về chính-sách Thượng-Vụ thời Chính-phủ Ngô-dình-Diệm, ta phải công-nhận Chính-phủ đã thành-thực muốn cải-tiến đời-sống đồng-bào Thượng.

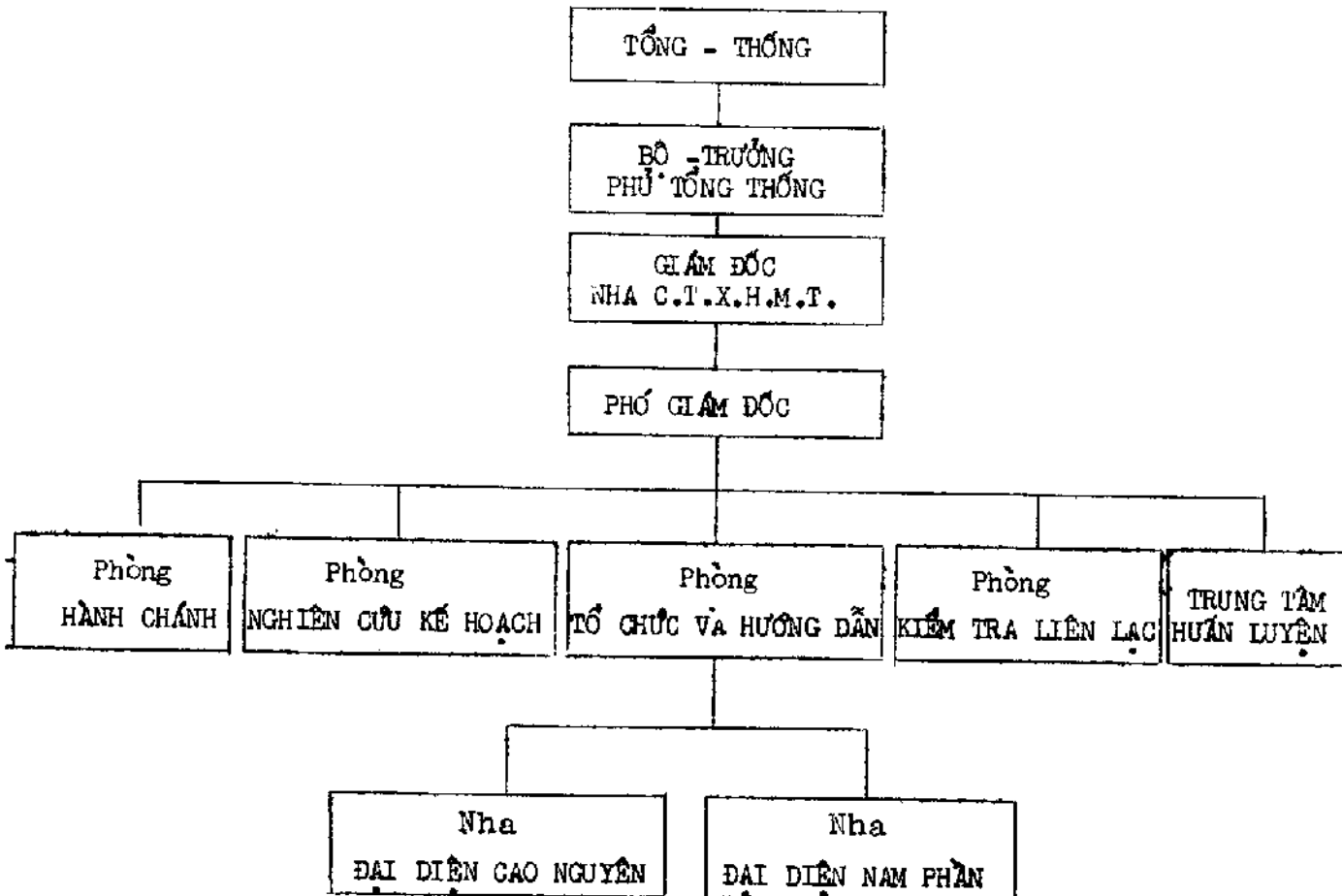
(1) Bahnar, Jarais, Rhadé, Keho.

Để đạt được 4 mục-tiêu sau :

- 1.- Xây dựng tinh-thần Kinh-Thượng bình-dẳng
- 2.- Xây dựng tinh-thần Kinh-Thượng đoàn-kết
- 3.- Xây dựng tinh-thần yêu-tổ-Quốc Việt-Nam
- 4.- Nâng cao trình-độ sinh-hoạt của đồng-bào Sơn-Cước lên ngang hàng đồng-bào Kinh.

Chính-phủ đã ban-hành nghị-định số 302 NV ngày 03.7.57 thành-lập Nha công-tác xã-hội miền Thượng với phạm-vi hoạt-động là vùng Cao-Nguyên Trung-phần. Kế đó phạm-vi hoạt-động được nới-rộng cho các Tỉnh Bình-Tuy Bình-Long, Phước-Tuy và Long-Khánh do Nghị-Định số L670/TTP /VP ngày 03.10.1957. Theo các Văn-Kiến trên, Nha Công-Tác Xã-Hội miền Thượng được đặt trực-thuộc Tổng-Thống Phủ và đặt trụ-sở tại Huế.

HỆ THỐNG TỔ CHỨC NHA CÔNG TÁC XÃ HỘI MIỀN THƯỢNG



Và ngoài ra, về chính-sách cũng có những ưu-điểm sau :

1.- Thống nhất lãnh-tho hai khu-vực Cao-Nguyên và Đồng-bằng, đã bị ngoại nhân chia cắt hơn nửa thế-kỷ. Nếu là người xu-thời thì có lẽ Thủ - Tướng Ngô-dinh-Diệm đã không bao giờ trình lên Quốc-Trưởng Bảo-Đại Dự-thảo Dự số 21 ngày 11.3.1955 "sát-nhập đất tư-hữu của nhà vua vào lãnh-thổ Việt-Nam". Liên sau đó với sắc-lệnh số 61 cùng ngày, vị đại-biểu Chính-phủ đầu tiên tại Cao-nguyên Trung phần được bổ-nhiệm và các cơ-cấu tổ-chức Hành-chánh, Quân-sự tại Cao-nguyên Trung-Phần được tái tổ-chức theo một đường lối duy-nhất thuộc hệ-thống Hành-chánh và quốc-phòng của Quốc-gia. Các cải-tổ này nói lên ý chí cương-quyết của chính-quyền thời bấy-giờ trong việc cải-tạo Xã-hội miền Nam.

Trên phương diện Hành-chánh nhằm xóa-bỏ những tàn-tích của thực-dân, những tàn-tích nhằm chia-rẽ và phân-hóa dân-tộc, Tổng-Thống Ngô-Dinh-Diệm đã quyết-định bãi-bỏ "ngạch công-chức sơn-cước". Ngoài việc ổn-định nguyên-tắc xây dựng đồng-bào Sơn-cước, "dù Kinh hay Thượng phải căn-cứ vào học-vấn hay năng-lực mà xử-dụng". Chính-phủ cũng thực-hiện kế-hoạch nâng-đỡ giới Công-chức sơn-cước bằng cách chỉ-thị cho Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh mở các khóa Hành-Chánh cấp-thời để đào-tạo cán-bộ Hành-chánh người sơn-cước phục-vụ tại Cao-nguyên.

Trên phương-diện này chính-quyền lúc bấy-giờ cũng không phải áp-dụng nguyên-tắc cứng-rắn trong việc xử-dụng viên-chức Hành-chánh. Vì tuy ổn-định nguyên-tắc tuyển-dụng căn-cứ vào học-vấn song lẽ nếu không có điều-kiện này thì có thể căn-cứ trên kinh-nghiệm, khả-năng cũng như về tác-phong và uy-tín.

2.- Gây được tinh-thần hòa-đồng địa-phương và dân-tộc. Tinh-thần này được nói lên qua nhiều Chiến-dịch (Phong-trào di-cư, Chiến-dịch xây-dựng Ấp Chiến-Lược, Chiến-dịch cải-tiến dân-sinh). Sau Hiệp-định Genève 1954, Kế-hoạch đưa một số lớn "đồng-bào di-cư Bắc-Việt vào Nam" lên Cao-nguyên Trung-phần là một việc làm sáng-suốt tạo được tác-dụng thuận-lợi cho công-cước cải-tạo xã-hội đồng-bào Sơn-Cước.

Ngoài ra sự hiện-diện của đồng bào Việt-Nam trên cao-nguyên còn giúp cho Chính-phủ đào-tạo được tại chỗ một số cán-bộ Thượng Vọng; những cán-

bộ trong mọi ngành sinh hoạt quốc gia sẵn sàng hoạt động tại Cao Nguyên, quê hương thứ hai của họ.

3.- Ấn định được 1 đường lối phát-triển sơn-cước rõ rệt, mạch-lạc.

Xuyên qua chính-sách Sơn-cước vụ của Đệ-Nhất Cộng-Hòa, chủ-trương của chính-phủ là "vận động và khuyến-khích" tuyệt nhiên không có tính-cách bắt-buộc hay cưỡng-chế thi-hành nhất là chánh-sách chủ-trương "tránh chạm tới tục-lệ cổ-truyền và tín-ngưỡng của đồng-bào Sơn-cước". Điều này nói lên tinh-thần tôn-trọng phong-tục tập-quán của chính-quyền lúc bấy giờ.

Việc nâng-cao mức-sống của đồng-bào Sơn-cước có thể nói là trọng-tâm của Chính-sách Sơn-cước vụ của nền Đệ I Cộng-Hòa.

)
(

Mục D

**CHÍNH SÁCH HOÀ ĐỒNG — ĐỒNG TIẾN TRONG
TỈNH THÀN QUỐC GIA THỐNG NHẤT
SAU NGÀY 1-II-1963 ĐẾN 1-4-1967**

Sau khi chế-độ Đệ-Nhất Cộng-Hòa bị lật đổ những lãnh-tụ sơn-cước bị bắt giữ trước đó được chính quyền Cách Mạng phóng thích và trong dụng.

Về phương-diện cơ-cấu hành-chánh sau ngày Cách-Mạng Chính-Phủ Nguyễn-ngọc-Thơ tiếp-tục đặt cơ-quan Công-tác Xã-hội miền Thượng trực-thuộc Phủ-Thủ-Tướng ngày 11.11.1963. Nhưng sau đó lại đặt cơ-quan này trực-thuộc Tổng-Nha Xã-Hội ngày 13.11.1963, đồng thời Phủ-Thủ-Tướng do Công-văn số 17/BPTT/VP ngày 13.11.1963 đã Ủy cho Tổng-Nha Xã-Hội soạn-thảo Nghị-Định tổ-chức lại Nha Công-tác Xã-Hội miền Thượng.

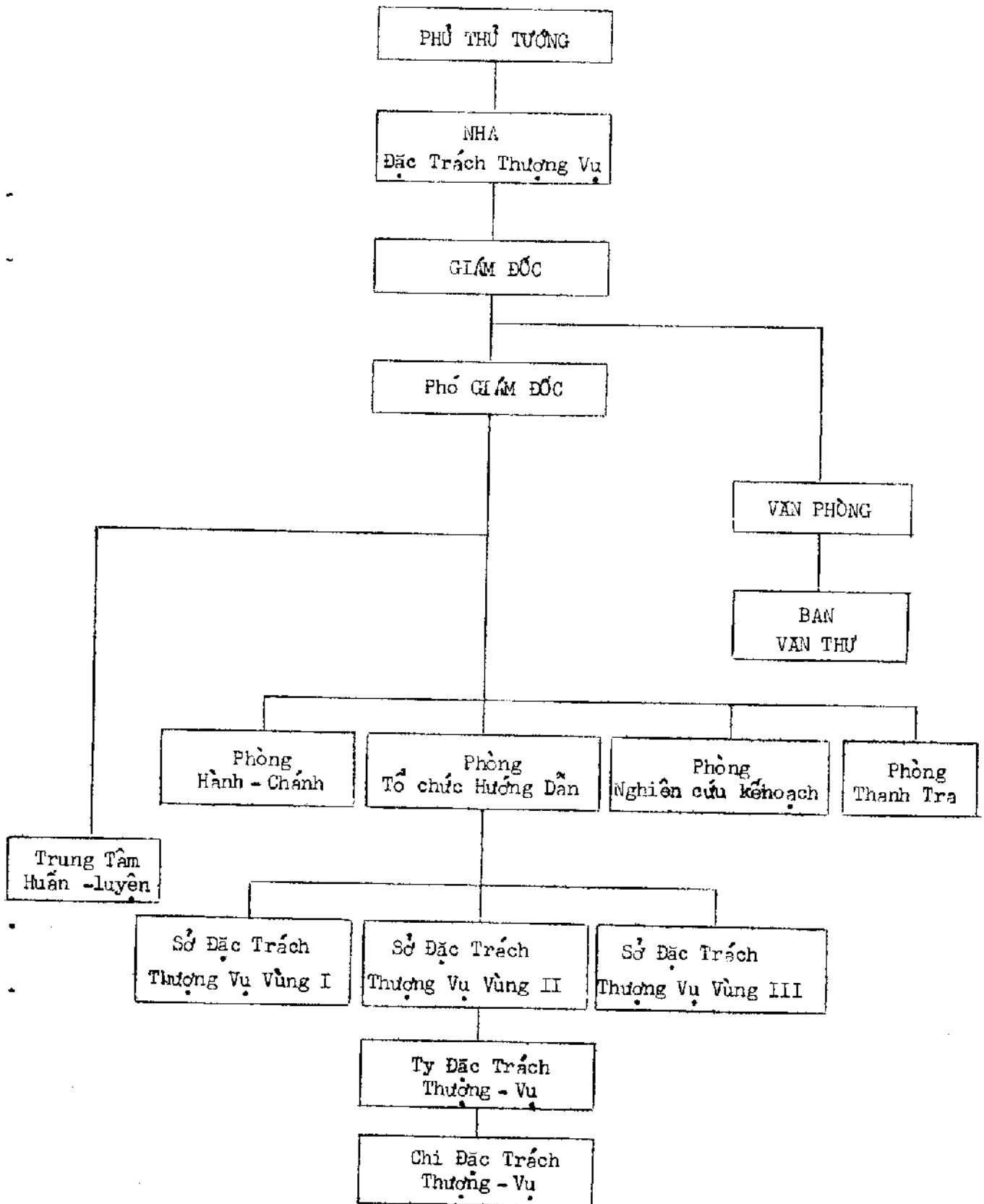
Đến tháng 5 năm 1964, Thủ-Tướng Chính-phủ bằng Nghị-Định số 911/QP ngày 05.5.1964 đã biến-cải Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng thành Nha Đạc-Trách Thượng-Vụ trực-thuộc Bộ Quốc-Phòng và dời Trụ-sở từ Huế vào Saigon.

Sự cải-biến này cho thấy quan-niệm của Chính-phủ đã thay-đổi đối-với đồng-bào Thượng. Trước kia Chánh-sách Thượng-vụ dựa trên Xã-hội thuần-túy nay trở thành một vấn-đề bình-định và quân-sự.

Vào thời-điểm này Phong-trào chống-đối Fulro(1) đã nổi lên lần thứ nhất vào ngày 20.9.1964, ban đầu tại Darlac sau đó đến các Tỉnh Quảng-Đức, Lâm-Dồng, Phú-Bôn, PleiKu, Kontum và lần thứ nhì vào ngày 17.12.1965 tại Quảng-Đức, PleiKu và nhất là tại Phú-Bôn, nơi đó phong-trào đã tàn-sát một số quân-nhân Việt-Nam. Ngày 07.10.1964 Thủ-Tướng ký Nghị-Định số 1935/TTP/VP đặt Nha Đạc-Trách Thượng-Vụ trực-thuộc trở lại Phủ-Thủ-Tướng vấn-đề Thượng lại đặt lại trên bình-diện chính-trị.

(1) F.U.L.R.O do chữ Front Unifié de la Libération des Races Opprimées

SƠ ĐỒ TỔ-CHỨC NHÀ ĐẶC-TRÁCH THƯƠNG-VU



Ngày 17.10.1964, Chính-phủ đã tổ chức một đại-hội các sắc-tộc Thượng tại PleiKu để trình nguyện-vọng lên Chính-phủ, nguyện-vọng này gồm những điểm chính sau :

- 1.- Kính-Thượng đoàn-kết và bình-dẳng thật sự
- 2.- Đặc-biệt nâng-đỡ đồng-bào Thượng để tiến-bộ theo kịp đồng-bào Kinh.
- 3.- Tôn-trọng phong-tục, tập-quán của đồng-bào sơn-cước.

Dựa trên những nguyện-vọng đó chính-phủ đã hoạch-định một chương-trình cải-tiến sâu-rộng Cao-nguyên Trung-phần trên mọi địa-hạt.

1.- Về chánh-trị và Hành-chánh, người sơn-cước được tự-do lựa chọn đại-diện để tham-gia vào Quốc-Hội, vào Hội-Đồng các Sắc-tộc, Hội-Đồng Tỉnh-Xã. Chính-quyền sẽ bổ-nhiệm người sơn-cước tùy theo khả-năng vào các chức-vụ Trung-Ương và Địa-phương.

2.- Về quân-sự, ngoài việc sử-dụng công-bằng và hợp-lý người sơn-cước trong công việc huấn-luyện cũng như bổ-nhiệm, một trườngThiếu-Sinh Quân sẽ được thiết-lập tại Vùng Cao-Nguyên.

3.- Về kinh-tế, tôn-trọng quyền sở-hữu đất-dai của đồng-bào Sơn-cước bằng cách bãi-bỏ chế-độ củ của các năm 1958, 1969.

4.- Về văn-hóa Giáo-Dục, xây-cất trường học, Kỳ-Túc-Xá, cấp học-bổng cho học-sinh Thượng, dạy Thổ-ngữ tại bậc tiểu-học song-song với Việt-Ngữ.

5.- Về tư-pháp, mở-lại các tòa-án phong-tục và xử theo phong-tục các tranh-tụng giữa đồng-bào thiểu-số.

Sau khi Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh từ-chức các chính-phủ kế-tiếp đã biểu-lộ ý-chí tôn-trọng chánh-sách Thượng-vụ này, những hứa-hẹn trên đã được ghi vào Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa qua các điều 2, 24, 36, 66, 97.

CHƯƠNG THỨ HAI.

**CHÁNH SÁCH THƯƠNG VỤ
NỀN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA**

Mục A
**THỰC TRẠNG, NHU CẦU VÀ NGUYỆN VỌNG
 CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG MIỀN NAM**

Trước khi đề cập đến qui chế 033/67 đang được áp dụng. Chúng ta thiết tưởng cần ước lượng đúng đắn một vài vấn đề về thực trạng và nguyện vọng đồng-bào Thượng.

ĐOẠN I. - THỰC-TRẠNG VỀ THÀNH-PHÂN CÁC SẮC-DÂN THIỂU-SỐ. -

A. - ĐỊA-VI CỦA ĐỒNG-BÀO SƠN-CƯỚC VÀ PHƯƠNG-DIỆN BÌNH-ĐẲNG. -

Chúng ta biết rằng tại Cao-nguyên Trung-Phần Đồng-bào Sơn-cước bao gồm khoản 29 Sắc tộc khác nhau. Trên phương-diện văn-hóa thì có thể xác-nhận rõ-rệt chỉ 4 Sắc-dân sau đây :

Bahnar, Rhadé, Jarai, Koho, có trình-độ văn-hóa và những điều-kiện xã-hội tương-đối tiến-bộ khá-dĩ có-thể theo-kịp và thích-nghi với trình-độ người Kinh, nếu được đặc-biệt nâng-đỡ. Nếu tính về dân-số thì 4 sắc dân này có một dân-số khá lớn có thể chiếm một tỉ-lệ gần một nửa tổng-số đồng-bào Sơn-cước tại Cao-Nguyên Việt-Nam. Như vậy, họ là một lực-lượng sản-xuất cần-thiết trong công-cuộc phát-triển Kinh-tế tại Cao-nguyên. Nhờ ở nhân-số đông-dào những sắc-tộc kể trên đã giành được những địa-bàn thiên-nhiên thuận-lợi gần trung-tâm quận-ly, tỉnh-ly, trên những vùng đất màu-mỡ để thích-nghi cho công-cuộc trồng-trọt chăn-nuôi và giao-thông, thương-mãi. Trái lại những sắc-tộc khác ít ỏi và luôn-luôn bị áp-lực của các sắc-dân lớn phải lùi dần vào nơi Lâm-Sơn chướng-khí và ít khi có cơ-hội tiếp-xúc với đời-sống văn-minh. Như vậy ngay giữa các bộ-lạc sinh-sống tại Cao Nguyên miền Nam, chúng ta thấy có một sự chênh-lệch rõ-rệt, một sự bất-bình-đẳng xã-hội giữa họ về 3 phương-diện :

- Phương-diện Địa-ly. - chỉ có khoảng 4 bộ Bahnar, Jarai, Rhadé, Koho chiếm những địa-thể thuận-lợi còn các bộ-lạc khác hầu-hết đều ở những nơi thâm-sơn cùng-cốc.

- Phương-diện dân-số : Những bộ-lạc khác so với 4 bộ-lạc Bahnar, Jarai, Rhadé, Koho là những nhóm thiểu-số bất-lợi cho việc phát-triển đời-sống của họ.

- Trình-độ văn-minh.- Những bộ-lạc lớn thường có thái-độ khinh-miệt bộ-lạc nhỏ. Rõ-rệt là hầu-hết những công, tư-chức đều thuộc những bộ-lạc lớn Bahnar, Jarai, Rhadé, Koho, chẳng-hạn như thành-phần phong-trào Bajaraka, Fulro gồm những trí-thức bốn bộ-lạc trên và gần đây "Phong-trào đoàn-kết các sắc-tộc thiểu-số Cao-Nguyên Miền Nam Việt-Nam cũng chỉ gồm phần lớn các sắc-tộc Rhadé trong thành-phần sáng-lập viên".

B.- ĐỊA-VI CỦA NHỮNG NHÓM SẮC-TỘC TRONG VẤN-ĐỀ NHÂN-DUNG VÀ NGHỀ-NGHIỆP.-

Về phương-diện này hầu hết công, tư-chức, công-nhân phục-vụ ở các đồn-diện cao-su, cà-phê, trà đều là người Rhadé, Jarai, Bahnar, Koho. Chúng ta khó lòng tìm thấy đồng-bào Thượng làm chủ các đồn-diện, trại chăn nuôi hay trong số những thương-gia giàu có. Tình-trạng này là hậu-quả một phần vì tính thiếu-tích-cực của Thượng dân, một phần vì chính-sách ngu dân của thực-dân phong-kiến, chỉ muốn biến-cải người Thượng vừa đủ để làm tay sai cho họ trong công việc khai-thác Cao-nguyên Trung-Phần.

Tại Cao-nguyên Trung-Phần, những doanh-thương giàu có đều là Pháp-Kiều, Hoa-Kiều, Tại thị-xã Ban-Mê-Thuột, PleiKu Đà-Lạt ngay những nghề buôn-bán các lâm-sản như sừng nai, Nhung, Hươu, Ngà voi, da thú cũng do người Hoa-Kiều khai-thác và những đồn-diện rất lớn nằm trong tay Pháp-Kiều.

Người Kinh vì bị hạn-chế giao-thương với vùng Cao-nguyên nên chỉ mới xuất-hiện và phát-triển kể từ sau ngày Đệ Nhất Cộng-Hòa được thành-lập. Còn các đồng-bào Sơn-cước thì chỉ rải-rác tại các Công-sở Hành-Chánh, An-Ninh hay phục-vụ với tích-cách công-nhân trong các đồn-diện hay dinh-diện hoặc trong các xí-nghiệp kỹ-nghệ.

Theo nguyên-tắc Kinh-Thượng hoàn-toàn bình-đẳng, nhưng đó không phải và cũng không thể là cái bình-đẳng như của các thiểu-dân của các Quốc-Gia Âu-Mỹ. Nhiều chính-quyền liên-tiếp đã dò-dẫm và trắc-nghiệm những phương-thức thực-hiện nguyên-tắc căn-bản này cho công-bằng và hợp-lý, Kinh-nghiệm cho thấy nguyên-tắc bình-đẳng nếu thực-hiện máy-móc sẽ không đủ để lôi-kéo được đồng-bào sơn-cước tiến-triển cho kịp đồng-bào Kinh và giân-

tiếp loại bỏ họ ra khỏi sinh-hoạt Quốc-Gia. Từ trước đến nay các chính-sách Thương-vu đều bị thất-bại vì đã được hoạch-định trên nguyên-tắc Kinh-Thương bình-dẳng mà không căn-cứ vào thực-tế xã-hội của vấn-đề. Hậu-quả của những chính-sách đó là sự cách-biệt người Kinh và người Thượng càng ngày càng khó hàn-gắn và cuối-cùng là sự bùng-nổ của phong-trào chống-đội Bajaraka 1958, và Fulro 1964. Thực-tế làm sao đồng-bào Sơn-cước có-thể cạnh-tranh bình-dẳng với người Kinh khi họ còn yếu-kém về mọi mặt và vô hình-chung chính sự bình-dẳng đẹp-đẽ và nhân-đạo đã gián-tiếp đặt đồng-bào Sơn-cước ra ngoài lề xã-hội và sinh-hoạt quốc-gia. Vì vậy mà tại nhiều Quốc-gia, chính-quyền đã phải giải-quyết vấn-đề bằng sự đãi-ngộ bình-dẳng trên căn-bản bất bình-dẳng, nghĩa là thiếu-dân phải được hưởng một số đặc-ân, một số ân-huệ hay những đi-ều-kiện giảm-miễn cần-thiết để bù-đắp những yếu-kém của họ và để quân-bình hóa khả-năng quá cách-biệt giữa nhóm đa-số và thiểu-số.

ĐOẠN II. - NHU-CẦU VÀ NGUYÊN-VONG CỦA ĐỒNG-BÀO THƯƠNG. -

Ta có thể ghi nhận những nhu-cầu và nguyên-vong đồng-bào Thương biểu-hiện qua các Đại-Hội Kinh-Thương sau.

* Ngày 5.5.1964, Chính-phủ đã mời 64 nhân-sĩ Đồng-bào Sơn-Cước toàn-quốc về Saigon thăm viếng Thủ-Đô, để chính-quyền Trung-Ương có dịp tham-khảo ý-kiến và nguyên-vong người Sơn-cước.

* Ngày 26.8.1964 bộ Tư-Lệnh Quân-Đoàn 2 tổ-chức tại PleiKu Đại-Hội các Sắc-dân Sơn-cước vùng 2 chiến-thuật, có 55 đại-diện các Sắc-dân Sơn-Cước về tham-dự. Mục-dích của Đại-Hội là để tham-khảo nguyên-vong của đồng-bào Thương để hoạch-định một công-tác rõ-rệt cho vấn-đề Thương. Thế-nhưng những nguyên-vong mà đại-diện các Sắc-dân Sơn-cước vùng 2 chiến-thuật đưa ra trong kỳ đại-hội này chưa được Chính-phủ cứu-xét thì vào ngày 20.9.1964 phong-trào Fulro bạo-động tại Ban-mê-Thuật tiến-chiếm đài-phát-thanh Thị-Xã, Ông-Đặc-Ủy Trưởng Thương-Vu đã nhận-định về cuộc bạo-động này trong dịp tiếp-xúc với thân-hào nhân-sĩ và đồng-bào Sơn-Cước thuộc tỉnh Quảng-Đức ngày 5.5.1966 như sau :

"Chúng ta thấy rằng thời-gian từ Đại-Hội ngày 26.8.1964 đến vụ bạo-động của Nhóm Fulro ngày 20.9.1964, chưa đầy một tháng thì Chính-Phủ

làm sao thỏa mãn nguyện vọng của đồng-bào Sơn-cước nếu không muốn nói là tác-trách hay mi-dân".

* Ngày 17.10.1964 Chính-phủ đã cho triệu-tập lại Đại-Hội các sắc-tộc sơn-cước vùng 2 chiến-thuật tại PleiKu với 73 nhân sĩ sơn cước tham-dự. Mục đích là để kiểm điểm lại những nguyện vọng của đồng bào Sơn-cước trong kỳ Đại-Hội ngày 26.8.1964.

Đại-Hội đã thu-đạt thành-quả rực-rỡ và quyết-nghị của Đại-Hội ngày 17.10.1964 là căn-bản chính của chính-sách Thượng vụ : dân tộc hòa - đồng, đồng-tiến. Trong kỳ đại-hội này, đại diện đồng-bào Sơn-cước các tỉnh đã đưa ra 3 nguyện-vọng sau :

- Xin có một chính-sách Thượng vụ hữu hiệu.
- Xin thiết-lập một tổ-chức đặc-trách vấn-đề Thượng có tầm quan-trọng hơn là một Nha.
- Xin có chương trình nâng-dỡ thiết-thực đồng-bào Sơn-Cước.

* Ngày 17.10.1966, chính-phủ lại tổ chức tại PleiKu một Đại Hội Kinh Thượng nhằm kiểm điểm các thành-quả Thượng Vụ trong 2 năm sau ngày Đại-Hội 17.10.1964.

Trong tất cả 4 kỳ Đại-Hội vừa kể cũng như trong các cuộc Hội-Thảo, nguyện-vọng và quyết-nghị của đồng-bào sơn-cước có thể tóm-lược vào 3 điểm:

1.- Xin Chính-Phủ ban-hành một chính-sách Thượng-Vụ hữu-hiệu để thể-hiện sự bình đẳng, tự do, đoàn-kết giữa Kinh và Thượng và xóa bỏ những bất công từ trước.

2.- Xin lập một cơ-quan thẩm-quyền nâng đỡ đồng-bào Sơn-cước. Về thỉnh cầu này trong dịp về thăm Thủ Đô ngày 05.5.1964 các phái Đoàn đã xin cải-tổ Nha Công tác Xã Hội miền Thượng thành Nha Đặc Trách Thượng Vụ thuộc Bộ Quốc Phòng đến Đại Hội ngày 25, 26.8.1964 họ xin đặt Nha Đặc Trách Thượng-Vụ lên hàng Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ.

3.- Xin có chương trình nâng đỡ đặc biệt cho đồng bào sơn cước trên các địa hạt hành chánh, chánh trị, văn hóa, kinh tế, xã hội theo nhu cầu thực trạng và nguyện vọng của đồng bào sơn cước.

Sau hết nhu-cầu và nguyện vọng của đồng-bào sơn-cước được quăng-

diễn đúng đắn và đầy đủ nhất trong bản thỉnh nguyện ngày 25, 26.6.1967 được dùng làm căn bản cho quy chế riêng-biệt cho đồng-bào sơn-cước (tức quy. chế 033/67 ngày 29.8.1967).

A.- VỀ CHÍNH TRỊ KINH-TẾ.-

4.- TRÊN PHƯƠNG-DIỆN CHÍNH-TRỊ.-

Về phương-diện này chúng ta ghi nhận những nguyện-vọng sau đây :

1.- Thỉnh cầu nâng Phủ Đạc-Ủy Thượng Vụ thành lập do Sắc luật số 21/SL/HP/VP ngày 22.2.66 lên Bộ Thượng Vụ hay Bộ Thiếu Số ngang hàng các Bộ khác để tăng cường các nỗ lực nâng cao đời sống của đồng bào sơn cước.

2.- Yêu cầu thành lập Hội-đồng các Sắc tộc thiểu-số căn-cứ trên các điều khoản 97, 98 của Hiến-Pháp ngày 1.4.1967 để tư-vấn cho chính phủ và Quốc Hội về vấn đề liên quan đến đồng bào sơn cước và thiểu số.

3.- Yêu cầu cho các công chức gốc Thượng được hưởng những điều kiện như sau :

- Bổ nhiệm vào các chức vụ tương xứng với khả năng và thiện chí của từng người.

- Được hưởng những điều kiện rộng rãi trong các kỳ thăng thưởng nhập ngạch, tu nghiệp.

4.- Xin tiếp-tục đào-tạo để tăng-cường thêm các cấp chỉ-huy và nhân-viên Hành-chánh người Kinh phục-vụ trên miền Thượng, họ cần được huấn-luyện để hiểu rõ và thực-thi đúng chính-sách Thượng vụ của chính-phủ.

5.- Xin phát-triển mạnh thêm chương-trình phổ-biến văn-hóa và chánh-sách Thượng vụ để gây sự hiểu biết và tạo niềm thông-cảm giữa đồng bào Kinh và các Sắc tộc thiểu-số qua báo chí, sách vở, đài phát-thanh và các phương tiện khác.

6.- Yêu cầu cho thành-lập trong phạm-vi từng Tiểu-Khu những lực-lượng địa-phương gồm các thanh-niên Thiếu-số tình-nguyên gia-nhập và chỉ-huy bởi cán-bộ người Thiếu-số được đào-tạo bởi các Trung-tâm Huấn-luyện Quốc-Gia để được trực-tiếp chống xâm-lãng Cộng-sản, bảo-vệ Cao-Nguyên và buôn-ấp.

7.- Thỉnh-cầu cho các thanh-niên thiểu-số được tiếp-tục hưởng biện-

pháp giảm điều kiện văn bằng để theo học trường Sĩ-Quan và Hạ Sĩ-Quan trong Quân-Lực Việt-Nam Công-Hòa.

8.- Xin tiếp tục lựa chọn và giao phó cho các Sĩ-Quan, Hạ Sĩ-Quan người Thiếu-số những chức-vụ chỉ-huy tương xứng với khả-năng và thiện-chí của từng người.

9.- Thỉnh cầu cho con em quân-nhân, công chức hay những gia-đình đồng-bào thiếu-số có người hy-sinh vì tổ-quốc được tiếp-tục thâu-nhận vào trường Thiếu-Sinh-Quân Cao-Nguyên và Quốc-Gia Nghĩa-Tử-Cuộc với những điều-kiện nâng-dỡ đặc-biệt.

B.- TRÊN PHƯƠNG DIỆN KINH-TẾ.-

Chúng ta ghi nhận những nguyện-vọng sau đây :

1.- Xin sớm ban-hành luật Kiến-diện riêng cho đồng-bào Thượng với những điều-kiện phù-hợp với thực-trạng và tập-quán để công-nhận quyền sở-hữu đất-đai của đồng-bào Sơn-cước.

2.- Xin tiếp tục giúp đồng-bào Thiếu-số cải-tiến kỹ-thuật canh-tác, chăn nuôi, mở-mang tiêu công-nghệ, Thương-mại, Công-Kỹ-nghệ v.v...

3.- Xin thành-lập một cơ-quan nghiên-cứu và phát-triển nông-nghiệp cho đồng-bào thiếu-số.

4.- Xin mở-mang các đường xá, giao-thông trên cao-nguyên để tiện cho việc đi lại buôn-bán.

B.- VỀ XÃ HỘI VĂN-HÓA.-

4/ - TRÊN PHƯƠNG DIỆN XÃ HỘI.-

Đồng-bào sơn-cước thỉnh-cầu chính-phủ tùy tình-hình và thực-trạng mỗi địa-phương, thực-hiện những chương-trình cải-tiến dân-sinh cho đồng-bào Sơn-cước.

1.- Thiết-lập thêm bệnh-xá, nhà hộ-sinh, trạm thuốc, tăng-cường đoàn Y-tế lưu-động cùng mở-mang các cơ-sở y-tế khác và yếm-trợ đầy-đủ thuốc men, tăng-cường thêm nhân-viên cho các cơ-sở đó để chăm-nom, săn-sóc sức-khoẻ cho đồng-bào sơn-cước, đồng-thời giáo-dục về vệ-sinh, Y-tế.

2.- Xin mở-mang trường đào-tạo cán-bộ Y-tế các cấp người thiếu-số để tự-săn-sóc sức-khoẻ cho đồng-bào.

3.- Trong các trường-hợp thiên-tai, hỏa-hoạn, thiên-cư vì Cộng-Sản tùy theo nhu-cầu cần-thiết của đồng-bào, xin có chương-trình trợ giúp đặc-biệt và hữu-hiệu để đồng-bào sớm tiến tới tự-túc.

4.- Xin thành-lập các Cô-Nhi-Viện tại mỗi địa-phương.

B.- TRÊN PHƯƠNG-ĐIỂN VĂN-HÓA- GIÁO-DỤC.-

Chúng ta ghi nhận những nguyện-vọng và thỉnh-cầu sau :

1.- Trong phần chương-trình phát-triển chung, thỉnh-cầu chính-phủ mở thêm trường Trung-Học, Tiểu-học, xây-cất Ký-túc-xá để con em thiếu-số đủ chỗ học-hành.

2.- Thỉnh-cầu tiếp-tục giúp-đỡ và cấp thêm học-bổng cho con em Thiếu-số có phương-tiện theo học các trường Trung Học, Đại học và Chuyên-nghiệp trong và ngoài nước.

3.- Xin tiếp-tục cho con em thiếu-số được hưởng những biện-pháp nâng-dỡ đặc-biệt trong các kỳ thi lấy bằng hay nhập học các trường chuyên-môn như : Giảm điều-kiện văn-bằng, dùng tỉ-lệ hay miễn thi nhập học tăng điểm để được chẵn dậu.

4.- Xin sớm thực-hiện chương-trình dạy thổ-ngữ với chương-trình Việt-ngữ tại bậc tiểu học. Chương-trình dạy thổ-ngữ chú-trọng tới phong-tục tập-quán của các sắc-dân.

5.- Thỉnh-cầu Hội-đồng các Sắc-tộc Thiếu-số tương-lai nghiên-cứu :

- Thành-lập một Viện bảo-tàng nhân-chúng tại nhiều nơi trên toàn-quốc để bảo-vệ và phát-huy văn-chương củ của Việt-Nam.

- Thành-lập một Viện Nghiên-cứu các sắc-tộc để giúp đỡ chính-phủ thiết-lập các kế-hoạch phát-triển đời-sống đồng-bào Thiếu-số.

6.- Xin ban-hành chính-sách cương-bách giáo-dục cho con em đồng-bào sớm-cước.

7.- Xin tôn-trọng và bảo-vệ các di-tích lịch-sử của người Thiếu-số.

8.- Trên căn-bản tôn-trọng phong-tục, tập-quán của đồng-bào Thiều-số xin tiếp-tục duy-trì các tòa-án phong-tục Xã, Quận, Tỉnh tái-lập theo Sắc-lệnh số 006/95 ngày 22.7.1965 và xin thiết-lập thêm tòa-án phong-tục tại những vùng chưa có luật-lệ.

C.- NHẬN-XÉT VỀ CÁC NHU-CẦU VÀ NGUYỆN-VONG.-

Những nguyện-vọng trên thực ra không có gì cực-đoan và quá-dáng, chỉ một nguyện-vọng đòi kiểm-soát trực-tiếp nền Hành-Chánh Cao-Nguyên của Phong trào Fulro làm cho nhiều người nhìn với ngờ vực. Tuy nhiên nếu chúng ta đã sinh sống tại Cao Nguyên, một khu-vực mà mọi yếu-tố cấu-tạo đều liên-hệ gần xa với sinh hoạt của đồng bào Sơn-cước và với sự trưởng-thành thực-sự của một số lớn trí-thức được đào-tạo ở các Trung-Tâm Giáo-Dục Quốc-Gia, Cao-nguyên không thể đặt ngoài tầm tay của các thành-phần cốt-cán này, nhất là lãnh-vực hành-chánh, lãnh-vực giữ vai-trò điều-hợp mọi sinh-hoạt quân-sự, kinh-tế, chính-trị và an-ninh tại đây.

Ngoài ra cũng phải công-nhận đường lối tranh-đấu bạo-động là một đường lối nguy-hiểm cho Quốc-Gia, nhưng ở trong hoàn-cảnh một tầng-lớp người bị lãng-quên từ đời này qua đời khác, không có đường-lối nào khác ngoài tranh-đấu bạo-động, nổi-loạn để thức-tỉnh nhà-cầm-quyền. Phong-trào Fulro hình-như đã có dụng-tâm chia làm 2 nhóm: - Nhóm tích-cực làm áp-lực cố-chân trong phong-trào Fulro và nhóm tiêu-cực ôn-hòa, duy-trì cuộc-thương-nghị với chính-phủ, đứng ngoài phong-trào. Có lẽ vì vậy mà chúng ta thấy trong năm 1965, khi những yêu-sách của phong-trào đang được chính-quyền cứu-xét, cường-độ bạo-động đã tăng-gia mạnh-mẽ và một số nhu-cầu, nguyện-vọng của phong-trào Fulro cũng quyết-liệt hơn:

- 1.- Yêu-cầu lập-liên-bang Cao-Nguyên Việt-Nam
- 2.- Chúng ta phải có Quốc-Kỳ riêng
- 3.- Một lực-lượng quân-sự riêng.

trong lúc đó thì nhóm ôn-hòa vẫn tiếp-tục thương-nghị để đi đến việc chấp-thuận những nguyện-vọng và nhu-cầu đã được phong-trào Fulro đề-xướng trong năm 1964. Thực ra các nguyện-vọng chính-thức của đại-hội các Sắc-dân thiểu-số trong năm 1967 (25, 26.6.67) chẳng khác gì nguyện-vọng của Fulro năm 1964. Nhất là những nguyện-vọng đó đã duy-trì được tính-chất hòa-đồng Dân-tộc qua nguyện-vọng số 4. (Về phương-diện chính-trị) xin tiếp-tục đào-tạo

để tăng-cường các cấp chỉ-huy và nhân-viên Hành-chánh người Kinh phục-vụ trên miền sơn-cước, họ cần được huấn-luyện để hiểu rõ và thực-thi đúng chính-sách của chính-phủ". Và trên phương diện văn hóa giáo dục "Xin song hành dạy Việt Ngữ và Thổ ngữ tại Cao Nguyên". Và hơn nữa, ngày 01.02.1969, toàn bộ lực lượng Fulro gồm 5.971 người đã về hợp tác chính-quyền.



Mục B

SẮC LUẬT SỐ 033/67: NỘI DUNG VÀ THÀNH QUẢ

ĐOẠN I.- BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ CỦA CHÍNH-SÁCH THƯƠNG-VU HIỆN TẠI
CỦA SẮC-LUẬT SỐ 033/67.-

Như trên đã nói ngày 25, 26.6.1967 tại Pleiku, một đại hội quy tụ 170 vị Đại diện gồm các Dân Biểu Thiểu số, Hội-viên Hội-Đồng Dân Quân, các Đại diện hầu hết các Sắc-tộc thuộc ba vùng chiến-thuật kể cả 10 Đại-Biểu của phái-đoàn Fulro để đúc kết thỉnh-nguyện chung cho đồng-bào Thiểu số toàn-quốc. Thỉnh-cầu chính-phủ ban-hành Một quy-chế riêng-biệt để được Đại Hội Đồng đồng-thanh chấp-nhận phải nâng-dỡ đồng-bào Thiểu số hầu theo đà tiến bộ của dân-tộc và xác định phong-tục, tập-quán cùng lối sinh-hoạt của đồng-bào Thiểu số. Trong bối cảnh chính trị đó ngày 29.8.1967 chính-phủ đã duyệt-ký ban-hành Sắc-luật 033/67 nhằm ban-hành một quy-chế đặc-biệt cho đồng-bào Thiểu số.

Tại các Quốc-gia mà trình-độ dân Thiểu số còn thấp kém, tình trạng bình-dẳng mà thôi không đủ vì có thể không giải quyết được việc bảo vệ, và tình trạng chậm tiến của thiểu dân và nhất là cô lập với thiểu dân với giòng mảy Quốc Gia.

Kinh-nghiệm đó thật rõ rệt tại Việt-Nam Cộng-Hòa với Chính-sách Kinh-Thương Bình-dẳng của cố Tổng-thống NGÔ Đình Diệm.

Bởi vậy ngay trong Hiến-pháp 1.4.1967 cũng đã long-trọng xác-nhận trong điều 2 : 'Đồng-bào thiểu-số được đặc-biệt nâng-dỡ để theo kịp đà tiến-hóa chung của dân-tộc. Một đạo-luật sẽ qui-định những quyền-lợi đặc-biệt để nâng-dỡ đồng-bào thiểu số'.

Điều 2 trong Hiến-pháp không những công-nhận sự hiện-hữu của Thiểu-dân mà còn long-trọng xác-nhận một số ưu-quyền cho họ.

Để giúp cho đồng-bào Sắc-tộc có đủ phương-tiên phát-triển, chánh-quyền đã nâng Nha Đạc-trách Thượng-vụ thành Phủ Đạc-Ủy Thượng-vụ bằng sắc-lệnh số 21/SL/HP ngày 22.6.1966.

Ngoài ra Phủ Đạc-Ủy Thượng-vụ được biến-cải thành Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc do Sắc-lệnh số 5a/TT/SL ngày 09.11.1967 và Sắc-lệnh số 36/SL/PTST ngày 15.12.1967 đã tổ-chức Bộ này.

Hết khác để thỏa-mãn hoàn-toàn nguyện-vọng của đồng-bào Sắc-tộc, một Hội-dồng Sắc-tộc đã được thành-lập do luật số 14/69 ngày 14.10.1969 bên cạnh chính-phủ để giúp ý-kiến về các dự-án phát-triển Miền Sơn-Cước. Đồng-thời về mặt tư-pháp, Sắc luật số 6/65 ngày 22.7.1965 đã tái lập : 'Tòa-án phong-tục để xét-xử theo phong-tục của mỗi Sắc-dân.

Hơn nữa một qui chế đặc biệt nhằm nâng đỡ đồng bào thiếu-số một cách thiết-thực hơn đã được ban-hành do Sắc-luật số 033/67 ngày 29.8.1967 bên cạnh Sắc luật số 034/67 cùng ngày nhằm nhận-quyền sở-hữu đất-dai của đồng-bào Sắc-tộc.

Sắc-luật 033/67 ngày 29.8.1967 đã ban-hành một qui-chế đặc-biệt nhằm nâng-đỡ đồng-bào thiếu-số theo kịp đà tiến-bộ của dân-tộc. Những quyền chính-trị của thiếu-dân cũng được thừa-nhận trong thực-tế. Ngoài truyền-thống tự-trị xã, thôn và địa-phương phân-quyền được Hiến-pháp xác-nhận, người thiếu-số tại Việt-Nam cũng đang đóng vai-trò chính-trị quan-trọng trong phần lớn các khu-vực đồng-bào thiếu-số sinh-sống qua các chức-vụ Hành-chánh : Tỉnh-trưởng, Quận-trưởng, Ty-trưởng và các chức-vụ chính-trị như Nghị-sĩ, Dân-biểu, Tổng-trưởng.

ĐOẠN II.- NỘI DUNG VÀ THÀNH QUẢ CỦA SẮC LUẬT 033/67.-

A.- NỘI DUNG.-

Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 1.4.1967 xác nhận trong điều 11 khoản 2 : "Quốc Gia chủ trương sự bình đẳng giữa các công dân không phân biệt nam nữ, tôn giáo, sắc tộc, đảng phái. Đồng bào Thiếu số được đặc-biệt nâng đỡ để theo kịp đà tiến hóa chung của dân tộc". Và trong Điều 24 :

"1.- Quốc gia công nhận sự hiện hữu của các Sắc tộc Thiếu số trong Cộng đồng Việt Nam.

2.- Quốc Gia tôn trọng phong tục, tập quán của đồng bào Thiểu số. Các tòa án phong tục phải được thiết lập để xét xử một số các vụ án phong tục giữa đồng bào Thiểu số.

3.- Một đạo luật sẽ quy định những quyền lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng bào Thiểu số. "

Một Đại Hội Sắc Tộc Thiểu Số được triệu tập ngày 25, 26.6.1967 để nhằm nghiên cứu và đúc kết các thỉnh nguyện của đồng bào Thiểu số để hoạch định một quy chế riêng biệt cho đồng bào Thiểu số và ngày 29. 8.1967 Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã ban hành Sắc Luật 033/67 ấn định : "quy chế đặc biệt nâng đỡ đồng bào Thiểu số theo kịp đà tiến bộ của dân tộc".

Quy chế này có thể coi như một căn bản pháp lý cho Chánh sách Thượng Vụ của nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Bản quy chế này đã đáp ứng từng thỉnh nguyện của đồng bào Thiểu số qua đại hội các sắc tộc toàn quốc ngày 25, 26.6.1967 Chẳng những vậy, quy chế đã rút tĩa được ưu khuyết điểm của các bản quy chế cũ và chính sách Thượng Vụ đã áp dụng từ trước tới nay. Quy chế này thể hiện Chính sách Thượng Vụ dựa trên tinh thần dân tộc Hòa Đồng, Đồng tiến Xã Hội xác nhận long trọng bởi Hiến Pháp VNCH ngày 1.4.1967.

Nghiên cứu sắc luật này chúng ta ghi nhận những điểm quan trọng sau :

1.- Hội Đồng các Sắc tộc Thiểu số sẽ được thành lập theo các điều khoản 97, 98 của Hiến Pháp nhằm cố vấn chính phủ các vấn đề liên quan đến đồng bào Thiểu số.

2.- Cơ quan đặc trách Thượng vụ sẽ được nâng ngang hàng cấp bộ trong chính phủ.

3.- Trên phương diện Hành Chánh Công chức Thiểu số được nâng đỡ đặc biệt về tuyển dụng, xử dụng, tu nghiệp hầu đáp ứng các nhu cầu của các ngành Hành Chánh, Tư Pháp, Giáo dục v.v...

4.- Sẽ tùy nhu cầu an ninh địa phương lập những lực lượng địa phương thiểu số do người Thiểu số chỉ huy. Nâng đỡ đặc biệt các thanh thiếu -

niên Thương trong đời sống bình nghiệp.

5.- Quyền sở hữu đất đai của đồng bào Thiểu số được tôn trọng. Một sắc luật về kiến diên dành cho đồng bào thiểu số với những điều kiện rộng rãi sẽ được ban hành. Sẽ thành lập một cơ quan nghiên cứu và phát triển nông nghiệp và những chương trình giúp đỡ đồng bào Thiểu số cải tiến kỹ thuật canh tác, chăn nuôi, mở mang về tiểu công nghệ, thương-mại, công kỹ nghệ v.v...

6.- Về cải tiến dân sinh nhằm các tiêu chuẩn sau :

Thiết lập các cơ quan y-tế, giáo dục, xã hội.

7.- Hoạch định chương trình cưỡng bách giáo dục con em Thiểu số, tái lập tòa án phong tục, sưu tầm, lưu giữ các luật lệ bất thành văn của Đồng bào Thiểu số.

8.- Tuy nhiên điều 9 quy định rằng : "vì trình độ sinh hoạt của các sắc tộc không đồng đều, để đạt những mục đích trên các cơ quan chuyên-môn sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đặc trách về đồng bào thiểu số nói ở Điều 2 để nghiên cứu chương trình kế hoạch sát với thực trạng của từng địa phương và trình độ của từng sắc tộc.

Nhìn vào thực tại, Sắc luật 033/67 ngày 29.8.1967 là một chính sách được mệnh danh là : "chánh sách dân tộc hòa đồng, đồng tiến" đã đáp ứng được nguyện vọng của đồng bào Thiểu số. Chánh sách hiện tại rõ ràng chủ trương mang lại thông cảm thiết thực và giúp đỡ cho các sắc-tộc Thiểu số có cơ tự do phát triển.

B.- THÀNH QUẢ.

Nhưng muốn thâm định khách quan, cần phải xét đến sự thi hành sắc luật đó.

Đầu tiên cũng trong ngày ban hành Sắc luật 033/67, chính phủ công bố Sắc luật 034/67 công nhận quyền sở hữu đất đai của đồng bào Sơn cước. Với nền đề nhất Cộng Hòa, chính quyền cho rằng Đồng bào Sơn cước chỉ có quyền hưởng thụ hoa lợi trên các diện tích trồng trọt chứ không có quyền sở hữu đất đai. Quyết định bãi bỏ quyền sở hữu đất đai của đồng

Sơn cước là nguyên do xuất hiện của phong trào Bajaraka và là mục tiêu tranh đấu của Fulro. Ban hành sắc luật số 034/67 chính phủ đã giải quyết thỏa đáng nguyện vọng của đồng bào sơn cước. Để thi hành sắc luật này, ngày 15.7.1969 Thủ Tướng Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh số 076/SL/CCDD/CN ấn định công tác kiến điền cho đồng bào Sơn cước.

- Việc làm thứ hai là Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ được nâng lên hàng Bộ Phát Triển Sắc Tộc (PTST) ngày 15.12.1967.

- Việc quan trọng nhất của nền Đệ Nhị Cộng Hòa là quy chế Hội Đồng các Sắc tộc được ban hành ngày 14.10.1969 qua luật số 014/69 ấn định tổ chức và điều hành Hội Đồng các Sắc tộc. Hội đồng sẽ soi sáng cho chánh phủ những nhu cầu và nguyện vọng đích thực của người sơn cước qua các vị đại diện của các bộ lạc lớn như tại Cao nguyên miền Nam.

Sau đây là những thành quả do Bộ PTST công bố quan sát và phỏng vấn tại chỗ những sinh hoạt của Thượng dân được nên người viết khó có thể đưa ra một cách khách quan và vô tư về sự thực thi đúng đắn quy-chế Thượng Vụ.

I.- VỀ HÀNH CHÁNH VÀ CHÁNH TRI.

1.- Về Hành Chánh.

- Sắc lệnh ấn định chức chương của Tổng Trưởng Phát Triển Sắc-Tộc được ban hành ngày 22.12.1969.

- Tổ chức của Bộ được chỉnh đốn từ Trung Ương đến địa phương với 25 Ty và 66 chi Phát Triển Sắc Tộc.

- Một Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc Gia vùng Cao Nguyên được thiết lập tại PleiKu từ tháng 8 năm 1970, có nhiệm vụ mở các khóa huấn-luyện tương tự như Trung Tâm Huấn Luyện Cán bộ Quốc Gia Vũng Tàu để thu nhận học viên Thượng ; cho đến hôm nay Trung Tâm đã đào tạo được tất cả là 6.270 cán bộ và viên chức các ngành hiện phục vụ tại các buôn, ấp.

- Qua kế hoạch Bình Định Phát Triển Sơn Thôn, bộ Phát Triển Sắc Tộc đã sát cánh cùng các bộ khác và các cơ quan khác trong chính phủ tổ chức và kiện toàn được nền Hành Chánh Xã Ấp. Hiện trong 25 tỉnh và 79

quận có đồng bào các sắc tộc cư ngụ, trong tổng số 553 xã và 2.004 ấp của đồng bào sắc tộc đã có 391 xã và 1.502 ấp đã được hoàn toàn bình định và tương đối có đầy đủ viên chức Thiểu số biết điều hành và quản trị việc Hành chánh xã ấp như viên chức người Kinh.

- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn các viên chức sắc tộc nắm giữ các chức vụ chỉ huy Hành chánh.

- Can thiệp để đào tạo tại các trường Đại Học, Kỹ thuật và chuyên nghiệp ngoại quốc rất nhiều viên chức cao cấp từ Hành chánh lẫn chuyên môn.

- Can thiệp và phối hợp với Bộ Quốc Phòng và Tổng Tham Mưu trong việc cải tuyển đợt 3 cho 1.402 đoàn viên nguyên Fulro, và tiếp nhận 24 cựu công chức cán bộ gốc sơn cước nguyên là đoàn viên Fulro trở về hợp tác với chính phủ đã được can thiệp cho hồi ngạch.

- Cho tới nay mở được hai khoá Tham Sự Hành chánh đặc biệt dành cho 100 thanh niên thiểu số được tổ chức và hoạt động từ ngày 16.8.1970.

2.- Về chính trị.-

- Đã thực hiện chiến dịch "Đoàn kết để tiến bộ" trên khắp vùng cao nguyên đem lại phấn khởi và niềm thông cảm giữa Kinh và Thượng mà thành tích đáng kể là sự trở về hợp tác với chính phủ của toàn bộ lực lượng Fulro gồm tất cả là 7.397 người tính đến tháng 6.1972.

- Mật số 04/67 ngày 07.8.1967 bầu cử Hạ Nghị Viện cũng đã dành 6 ghế Dân Biểu cho Đồng bào Sơn cước miền Nam.

- Đã hướng dẫn được đồng bào Sơn cước làm quen dần với nếp sinh hoạt dân chủ để củng cố hạ tầng cơ sở Hành chánh Xã Ấp. Bộ Phát Triển Sắc tộc đã phối hợp với cơ quan bạn tổ chức bầu cử Nghị viên Hội Đồng Tỉnh Thị ngày 26.4.1970 việc này đưa đến một thành quả chính trị lớn lao là sự hiện diện của các Nghị viên sơn cước trong các Hội Đồng Tỉnh Thị tại Cao nguyên.

Bảng ghi chú sau đây cho ta nhận xét về sinh hoạt chính trị của người Sơn cước tại Cao nguyên miền Nam.

- 1.- Trên tổng số 49 Nghị Viên tại Cao Nguyên, người Sơn Cước chiếm 25/49.
- 2.- Phần lớn Nghị viên đặc cử đều thuộc sắc dân đa số Jarai, Rhadé.
- 3.- Trong số nghị viên sơn cước đặc cử 2/3 thuộc phong trào đoàn kết các Sắc tộc.

		Sơn Cước	Việt Nam	Chàm
Kontum	Có 7 Nghị Viên đặc cử	03	04	0
PleiKu	- 9	04	04	01
Phú Bổn	- 6	05	01	0
Darlac	- 8	04	04	0
Quảng Đức	- 6	03	03	0
Lâm Đồng	- 6	03	03	Thiếu số BV di cư
Tuyên Đức	- 7	03	02	02

- Các Thanh niên Sơn cước tuy được tạm hoãn dịch nhưng đã có trên 15.000 người được khuyến khích tình nguyện gia nhập Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, trong đó có :

742 Sĩ quan

- Trên 3000 hạ Sĩ Quan

- Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã giới thiệu các thanh niên ưu tú theo học các trường Sĩ Quan, hạ Sĩ quan với điều kiện dễ dãi, kết quả đó :

23 theo học Võ bị Quốc Gia Đà Lạt

105 " " Bộ binh Thủ Đức

23 Khóa Sĩ quan Đặc biệt Nha Trang

97 Hạ sĩ quan Nha Trang.

- Đồng bào Sơn cước cũng được khuyến khích gia nhập Nhân Dân Tự Vệ.

- Trường Thiếu sinh quân tại Cao Nguyên được nói rộng thu nhận tất cả các con em quân nhân Sơn cước. Hiện có 121 thiếu sinh quân đang theo học.

- Bộ Phát Triển Sắc Tộc cũng đã can thiệp xin đặc ân cho các đèo-binh sơn cước ra trình diện để tiếp tục phục vụ trong quân Đội.

II.- KINH TẾ CANH NÔNG.-

1.- Về Thương Mãi.-

- Giúp đỡ hợp tác Xã Dệt tại Darlac chỉnh trang và tu bổ để tiếp tục hoạt động sau biến cố Tết Mậu Thân.
- Yểm trợ thành lập Hợp Tác Xã Lâm Sản Quảng Đức.
- Khuyến khích đồng bào Sơn cước tham gia các hợp tác xã tại Quảng Ngãi, PleiKu, Phú Bón, Darlac, Lâm Đồng.

2.- Về tiêu công nghệ.-

- Tổ chức lớp huấn luyện may, mộc, rèn, dệt, thợ hồ, thợ hớt tóc cho đồng bào sơn cước. Đã có trên 2.500 được huấn luyện và hiện có gần 200 người đang theo học lớp huấn luyện tại tỉnh.
- Hướng dẫn đồng bào tổ chức lò đốt than bán cho thị trường trong nước.
- Hoàn thành kế hoạch xây cất Trung tâm Trưng và tiêu thụ sản phẩm tiêu công nghệ nhằm khuyến khích và cải thiện sản xuất để cải tiến đời sống.
- Yểm trợ cho các trung tâm huấn luyện từ thiện từ nhân Dampao (Tuyên Đức) Phan Rang, Gò đền (Ninh Thuận) DaK nông (Quảng Đức) để có thêm phương tiện hướng nghiệp cho các thanh thiếu niên Nam Nữ sơn cước.

3.- Về Nông nghiệp.-

Trong việc phát triển Nông nghiệp, bộ Phát Triển Các Tộc đang chú trọng 2 phương diện :

- Tăng gia diện tích trồng trọt.
- Cải tiến kỹ thuật canh tác nhằm hướng dẫn đồng bào Thương định canh, bỏ dần đời sống du mục.

a.- Kiến điền cho Đồng bào Sơn cước.-

Phối hợp với bộ Cải Cách Điền Địa và Phát Triển Nông Ngư Nghiệp Bộ PTST thực hiện công cuộc kiến điền và quản thủ điền địa cho đồng bào Sơn cước theo tinh thần sắc luật 034/67 ngày 29.8.67 và Sắc lệnh 076/CCDD/

CN ngày 15.7.1969. Cho đến nay mục tiêu trên đã được thực hiện riêng từ đầu năm 1971 đến tháng 6 năm 1972.

Diện tích đang thực hiện :: 40.000 ha
Đã đo đạc và hoàn tất hồ sơ : 24.638 ha
Số nông dân thu hưởng : 10.744 người.

Theo điều 5 khoản 9 của luật 003/70 ngày 26.3.70 về chính sách "Người Cày có ruộng" luật này không áp dụng cho các ruộng đất dành riêng cho các buôn ấp của đồng bào sơn cước. Các ruộng đất đó theo Sắc Luật C33/67 và 034/67 ngày 29.8.67, ngày 15.7.1967, Sắc lệnh 076-SL/CCDD/CN gồm 8 Điều ấn định việc kiến điền cho đồng bào Thượng chiếu Sắc luật 034/67 xác nhận và cấp quyền sở hữu cho đồng bào sơn cước.

Hiện nay công tác kiến điền cho đồng bào sơn cước đang được xúc tiến mạnh mẽ.

b.- Về Nông nghiệp thuần túy.

Cũng trong mục đích tăng gia diện tích canh tác để tăng gia sản xuất Nông nghiệp, một mặt các Bộ Phát Triển Sắc Tộc và Cán bộ Xây Dựng Sơn thôn đã thường xuyên khuyến khích và hướng dẫn đồng bào sơn cước phát thêm rẫy, khai khẩn đất hoang và mặt khác chính phủ cũng đã lo xây đập nước trang bị máy bơm để hoàn bị các hệ thống dẫn thủy nhập điền hầu tránh tình trạng ruộng đất phải bị thất canh vì thiếu nước.

- Trong chiều hướng cải tiến kỹ thuật canh tác, Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã can thiệp với Bộ Cải Cách điền địa và Bộ Phát Triển Nông Ngư nghiệp và Nha Học Vụ Nông Lâm Súc mở nhiều khóa huấn luyện cho cán bộ và nông dân về cách sử dụng máy cày, học viên mãn khóa trở về địa phương huấn luyện lại đồng bào.

4.- Kế hoạch đầu tư nhân lực.

Nhằm mục đích phát triển ngành Canh nông, Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã can thiệp và giúp đỡ phương tiện cho một số Sinh viên học sinh theo học tại Ban Cao Đẳng, Sư Phạm Trung Học Nông Lâm Súc và tại Trung Tâm Canh Mục Sắc Tộc,

III.- VĂN HÓA GIÁO DỤC.-

Trên phương diện này chúng ta ghi nhận những kết quả sau :

- 54 Sinh viên Đại Học, Cao Đẳng Kỹ Thuật và Chuyên Nghiệp
 - 40 Sinh viên tốt nghiệp,
 - 262 học viên, học sinh Trung Đẳng Kỹ thuật và Chuyên nghiệp
- Cho đến nay có tất cả 305 học viên tốt nghiệp.
- - Số học bổng, số ký túc xá và số trường, số lớp được gia tăng rõ rệt.

Số học bổng cấp cho Sinh viên học sinh Sắc tộc gồm có học bổng Quốc Gia, Văn Hóa Á Châu và Tin Lành.

Ngoài ra Bộ còn can thiệp cho các học sinh sắc tộc xuất dương du-học tại Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Đài Loan.

Tại Hoa Kỳ : có 8 Sinh viên Thượng, theo học tại các phân khoa :

Canh nông : 3 sinh viên

Y-Khoa : 4 Sinh viên

Y-tế : 1 -

Tại Nhật Bản : 5 Sinh viên về Y-tế

Tại Pháp : 1 Sinh viên theo ban Khoa học Kinh tế Xã hội.

ĐOẠN III.- NHẬN ĐỊNH VỀ QUI CHẾ 033/67 NGÀY 29.8.1967.-

Ở Việt Nam qua bao nhiêu tháng dò dẫm qua bao nhiêu chế độ, mãi sau Cách Mạng 1.11.1963 chính quyền mới định rõ một Chánh sách Thượng Vụ được quan niệm hợp tình hợp lý về bình đẳng cơ hội giữa đồng bào Kinh-Thượng xuyên qua bản Sắc Luật 033/67 ngày 29.8.1967. Sắc luật thể hiện rõ rệt 2 khía cạnh, một mặt các sắc tộc tại vùng sơn cước có thể bảo vệ được các sắc thái văn hóa đặc thù, một mặt có thể tiến kịp người Việt Nam.

Quy chế 033/67 đã cố gắng tạo nên một khung cảnh thuận tiện cho đồng bào Sơn cước, nhưng vấn đề là sắc lệnh 033/67 có thực sự tạo được bình đẳng hay không ? Có thực sự giúp đỡ hữu hiệu để phát triển nhằm đạt đến tiến bộ trong cuộc đồng tiến xã hội hay không ?

Xuyên qua khía cạnh thực tế của xã hội của đồng bào Thượng chúng ta thấy tại Việt Nam có rất nhiều sắc tộc khác nhau về văn hóa, trình độ văn-

minh. Có những bộ lạc dân số ít, có những bộ lạc dân số đông, có những bộ lạc chiếm đóng ở những vị trí thiên nhiên, thuận lợi để dàng phát triển đời sống của họ trái với những bộ lạc nhỏ ở các cao độ thâm sơn khó có thể cạnh tranh đồng đều với những bộ lạc tiến bộ để hưởng thụ các điều kiện đặc biệt quy định bởi Sắc luật 033/67 dành cho đồng bào sơn cước.

Thực tế cho thấy phần lớn chức chương ở Bộ Phát Triển Sắc Tộc và các đơn vị trực thuộc đều được chia xẻ giữa các sắc dân tiến bộ với nhau. Dĩ nhiên là các bộ lạc nhỏ thiếu khả năng để đảm nhận công việc Hành chánh, song lẽ họ cần có tiếng nói của họ và cũng cần được nâng đỡ như các sắc tộc khác.

Trên bình diện Quốc Gia vấn đề thiếu số chưa được giải quyết thỏa đáng và vấn đề kỳ thị giữa Kinh và Thượng vẫn còn, dù rằng đã có những biện pháp nâng đỡ đồng bào thiểu số sớm theo kịp đà tiến bộ chung của dân tộc.

Vì trình độ sinh hoạt giữa các sắc tộc không đồng đều nên để đạt mục đích các cơ quan chuyên môn phối hợp với cơ quan Đặc trách đồng bào thiểu số, nghiên cứu chương trình, kế hoạch ban hành những biện pháp áp dụng thì sự phối hợp có tính cách một chiều, vì vấn đề liên quan đến thiểu số đều do Bộ Phát Triển Sắc Tộc và Hội Đồng Các Sắc Tộc quyết định. Hội Đồng các sắc tộc, nếu vì lý do nào đó chỉ toàn những hội viên của các sắc dân nổi bật tại Cao nguyên thì nó chỉ có tác dụng phô trương mà thôi.

Việc quy định 1/3 hội viên của Hội Đồng Sắc tộc do Tổng Thống chỉ định là một sự quy định phù hợp với thực trạng của đồng bào sơn cước nếu sự chỉ định này nhằm nâng đỡ các sắc dân yếu kém. Sự việc này khiến Dân - Biểu KSor-Ret (6-3-1967) thắc mắc là không biết 1/3 nào được ~~chỉ định~~ ^{chỉ định} và 2/3 sắc tộc nào phải bầu lên, như vậy Hội Đồng mất tự do. Người ta còn e ngại không có sự công bình trong việc bổ nhiệm của Tổng Thống, vì sự Tổng Thống chỉ nhắm vào một sắc tộc nào đó để bổ nhiệm còn lại các sắc tộc khác phải bầu cử. Ngoài ra còn có lập luận hội đồng các sắc tộc không cần 1/3 chuyên viên, có bao nhiêu sắc tộc thì lấy bấy nhiêu đại diện, nếu Tổng Thống cử 1/3 thì sẽ có những sắc tộc có số đại diện nhiều hơn, và lại chuyên viên không phải là đại diện các sắc tộc.

Ngoài ra Hội Đồng các sắc tộc chỉ đóng vai trò tư vấn, một vai trò

thụ động, nhưng luật 014/69 đã sửa điều chỉnh đặc tính thụ động này ở Điều 2 "Chính phủ phải tham khảo ý kiến Hội Đồng Sắc Tộc về các vấn đề liên quan đến đồng bào Thiểu số".

Hơn nữa, thực tế Hội Đồng các Sắc tộc có thể dựa chân lên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục. Trên phương diện văn hóa Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục không thể không đề cập đến yếu tố nhân văn trong một nền văn hóa Việt Nam để soạn thảo và thực thi chính sách văn hóa dân tộc trong đó hẳn phải có chính sách văn hóa giáo dục áp dụng cho đồng bào Sơn cước tại Cao Nguyên Miền Nam.

Ngoài ra ở Quốc-Hội cũng đã có Ủy-Ban Đặc-trách vấn-đề Thiểu-số có nhiệm vụ nghiên cứu, soạn thảo các dự luật liên quan đến đồng bào Thiểu số do Quốc Hội hay chính phủ - Bộ Phát Triển sắc tộc đưa ra. Như vậy nếu không hoạch định được một chương trình hoạt động tích cực nhằm phối hợp hoạt động xây dựng phát triển Cao nguyên cũng như phối hợp các kế hoạch vận dụng nhân tài vật lực địa phương thì vai trò của Hội Đồng Sắc tộc sẽ trở nên lu mờ.

Ngoài ra sự đại ngộ đặc biệt về văn hóa giáo dục Hành Chánh như Học-Viện Quốc Gia Hành Chánh, Trường Cao Đẳng được dành một số chỗ nhất định với những điều kiện dễ dàng cho Đồng bào Thượng gia nhập vào Công Đồng Hành Chánh, Văn hóa là con dao 2 lưỡi, nếu không khéo léo xử dụng thì chỉ có hại mà thôi, vì họ càng dốt nát, yếu kém hơn người Kinh thì họ càng mang nhiều mặc cảm nhiều bất mãn hơn khi biết rằng họ là một công dân bất đắc dĩ.

Như vậy việc thực thi một chính sách đại ngộ đặc biệt là một công việc dĩ nhiên cần thiết nhưng không phải đầy đủ, vì ngày nào mà đồng - bào sơn cước vẫn còn nghĩ rằng thật là khó khăn để rời buôn, Plei ra tỉnh để theo đuổi việc học hành, ngày nào mà gia đình họ không đủ cơm ăn, áo mặc đau ốm không thuốc thang, tương lai mù tịt thì ngày đó quy chế 033/67 đã không còn đối tượng sống động mà chỉ là cõi giở khách sáo, không tương.

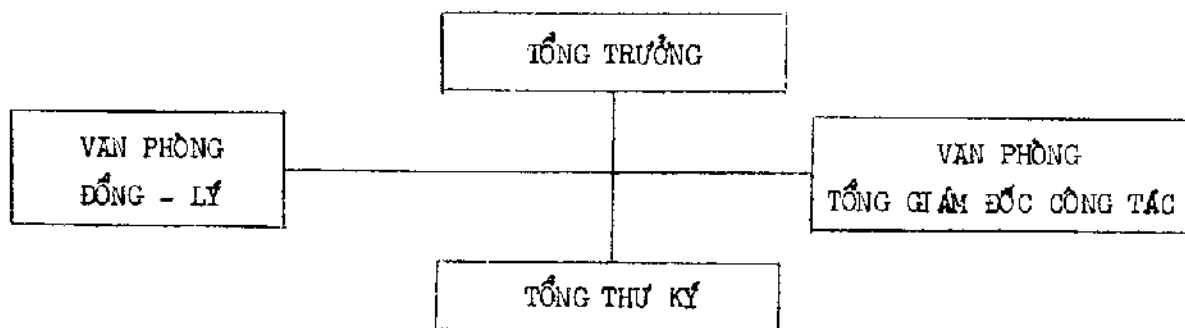
Sự thua thiệt của đồng bào Sơn cước, đối với người Kinh buộc chúng ta đặt cao nguyên lên hàng ưu tiên đại ngộ trong mọi kế hoạch phát triển Quốc gia nhất là 2 phương diện kinh tế Xã hội và giáo dục.

CHƯƠNG MƯỜI BA
CÁC BIÊN PHÁP ĐỀ NGHỊ

Những biện pháp đề nghị nhằm bổ khuyết cho chính sách Thương Vụ hiện tại sẽ được đề cập qua 3 phương diện.

ĐOẠN I.- PHƯƠNG DIỆN CƠ CẤU.-

Ngày 09.11.1967 Phủ Đặc Ủy Thương Vụ được nâng lên thành Bộ Phát-Triển Sắc Tộc do Tổng Trưởng người thiểu số điều khiển. Cơ cấu các bộ này được cải tổ chiếu theo Sắc lệnh số 197-SL/PTST ngày 22.12.1969 gồm chức chương sau :



Đây có thể coi là một tổ chức gần đúng mẫu của một bộ thông thường. Vị Đồng Lý xem như vị phụ tá Tổng Trưởng, điều hành tổng quát công tác của Bộ thay mặt cho vị Tổng Trưởng khi Tổng Trưởng vắng mặt. Chức vị của Vị Đồng Lý mang màu sắc chính trị hơn là Hành Chánh. Vị Tổng Giám Đốc Công tác Đặc trách các vấn đề chuyên môn về những kế hoạch hay dự án chương trình, công tác của Bộ, khác với vị Tổng Thư Ký, ở chỗ vị này Đặc trách các vấn đề Quản Trị Tài Chánh, nhân viên trên phương diện Kỹ thuật. Tổ chức như vậy rất thuận tiện cho việc điều hành, phân nhiệm, phân công rõ ràng và giản dị hóa

được các thủ tục Hành Chánh, xong nó mang nhiều nhược điểm trong một tổ chức được khai sinh vì một nhu cầu chính trị hơn là một nhu cầu Hành Chánh. Nhiều người đã phản đối lý luận này và cho là Bộ Phát Triển Sắc Tộc là một tổ chức đặc trách các Sắc Dân thiểu số như các Bộ Lao Động đối với công nhân, Bộ Chiêu Hồi đối với Hồi Chánh Viên, đó là một nhu cầu xã hội đích thực không liên hệ gì tới chính trị. Thực ra khi đề cập tới nhu cầu chính trị người ta đã đặt vai trò Bộ Phát Triển Sắc Tộc vào trong bối cảnh chính trị tại Cao Nguyên qua các Phong trào Bajaraka, Fulro trong những năm 1958-1964 và 1965. Vì nghĩ rằng bộ này mang tính chất chính trị, nên kỹ thuật tổ chức như hiện tại đang gặp những khó khăn sau:

- Các Sắc dân thiểu số không được đại diện đúng mức để tham dự công cuộc cải tiến dân sinh, dân trí của sắc tộc mình.

- Việc phân phối ngân khoản hay việc ủy ngân xuống địa phương mang tính chất chủ quan và thiếu vô tư vì quyền tài chánh nằm trong tay vị Tổng Trưởng và Tổng Thư Ký.

- Gây bất mãn đối với nhiều sắc dân vì một số bộ lạc không có lãnh tụ của mình đứng trong cơ quan Hành pháp để bảo đảm trực tiếp quyền lợi của bộ lạc mình.

Để giải quyết những khó khăn trên cũng như để dung hòa quyền lợi chính đáng của các sắc dân thiểu số, trên phương diện cơ cấu ta nên đặt Hội Đồng Các Sắc Tộc và đặt các vị phụ tá Tổng Trưởng, mỗi vị phụ tá cho mỗi sắc dân lớn và một vị phụ tá các sắc dân còn lại xếp ngang hàng Tổng Giám-Bốc trong cơ cấu tổ chức bộ. Sở dĩ đặt Hội Đồng các Sắc tộc vào cơ cấu tổ chức của bộ vì xuyên qua các văn từ của điều 97 Hiến Pháp Hội Đồng các Sắc Tộc chỉ đóng vai trò phụ thuộc đối với lập pháp cũng như Hành pháp. Hội đồng này chỉ hữu danh vô thực; Vì vậy cơ cấu tổ chức bộ cần phải gồm đủ Đại diện các sắc tộc, coi như một Ủy ban đầu não để duyệt xét, phê chuẩn những kế hoạch dự án chương trình phát triển Cao nguyên do Chính Hội Đồng đề ra hoặc do các vị phụ tá Tổng Trưởng đạo đạt lên Hội Đồng.

Và lý do đặt các vị phụ tá Tổng Trưởng vì như vậy sẽ có ưu điểm sau :

- Bộ PTST có thể đặc trách được nhiều sắc dân thiểu số khác nhau.

- Mỗi vị phụ tá coi như đại diện chính thức cho sắc dân mình và sắc dân liên hệ để thông cảm khi trình bày những nhu cầu nguyện vọng của họ.

- Mỗi vị nắm vững tình hình sắc dân mình nên sẽ có những kế hoạch thích hợp.

- Tránh được tình trạng bất mãn trong hàng ngũ lãnh tụ các sắc dân sơn cước, tránh được nạn bè phái, cấu kết thao túng quyền lợi mà các sắc dân thiểu số được hưởng đồng đều, lượng giá đúng đắn chương trình của bộ trong việc thực thi các kế hoạch do các vị phụ tá đề trình và tận dụng đúng mức Ngân Sách Quốc Gia và ngoại viện phân phối cho mỗi sắc tộc.

ĐOẠN II.- PHƯƠNG DIỆN NHÂN SỰ.-

Xuyên qua hai nội các, nội các ngày 1.9.1969 và nội các ngày 12.6.1971 chúng ta thấy có sự phân phối quyền hành giữa các Sắc tộc : Bắc Việt di cư, Chăm, Rhadé, Bahnar của nội các ngày 1.9.1969 và sự phân phối quyền hành giữa sắc dân Hroi, Koho và người Kinh của nội các ngày 12.6.1971. Tuy nhiên sự phân phối này không đồng đều, không đầy đủ vì có những sắc dân lớn ở Việt Nam không được lưu ý đến.

Nếu quan niệm Tổng Nha Công Tác là nơi hoạch định kế hoạch ngắn hạn và dài hạn thì e rằng một người trong khối dân Chăm hoặc dân Koho khó có đủ thẩm quyền để chu toàn trách vụ đó là chưa kể hệ thống quy chế của từng cá nhân và phe nhóm làm cho quyết định của Vị Tổng Giám Đốc thiếu võ tư và thiếu khách quan.

Với tư cách là chuẩn chi viên vị Tổng Trưởng thường ủy quyền cho Vị Tổng thư ký giữ nhiệm vụ quản lý viên kinh phí hai vị này có quyền phân phối ngân khoản cho địa phương hay cho các chương trình công tác. Hiện Bộ P.T.S.T. đang điều hành một ngân khoản hàng năm khá lớn nhằm tài trợ những đối tượng không đồng nhất. Như vậy nếu không có một ủy ban hay Hội Đồng tập trung đầy đủ những thành phần đại diện cho các sắc dân Thiểu số để nghiên cứu và phê chuẩn các kế hoạch, dự trù kinh phí e rằng quyền hành tài chánh tập trung trong tay vài sắc tộc sẽ gây những bất công, hiểu lầm và tranh chấp khó tránh khỏi.

ĐOẠN III.- PHƯƠNG DIỆN CÁC BIỆN PHÁP ĐANG ÁP DỤNG.-

A.- TRÊN BÌNH DIỆN KINH TẾ.-

Về kinh tế, phần lớn công tác được quy định bởi Sắc luật 033/67 nhằm mục đích nâng đỡ để phát triển kinh tế. Tuy nhiên những biện pháp ghi trong Sắc luật trên không có gì mới mẻ, nó có tính cách vá vấp tạm thời vì không được hướng dẫn mỗi kế hoạch có một mục tiêu rõ rệt. Nói đến Cao nguyên là phải nói đến cao su, cà phê, trà, chăn nuôi gia súc, nhưng những ngành này không được chính phủ phát triển.

Về phương diện này chúng tôi đề nghị :

- Phải hoàn tất ngay trong một thời gian xác định chương trình định cư, định canh.

- Phải cấp thời phục hồi năng lực các ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp, chăn nuôi đã phát triển mạnh trong quá khứ.

- Nâng đỡ và khuyến khích các ngành tiểu công nghệ Sơn cước.

- Khuyến khích phong trào thi đua sản xuất Nông nghiệp.

- Ngoài 13 Trung Tâm Canh Mục tại Cao Nguyên có tổ chức nông trại học đường, thiết tưởng cần mở thêm tại những tỉnh chưa có và mở rộng tầm hoạt động để tất cả các nông dân sơn cước đều có dịp học hỏi về chăn nuôi và canh tác.

- Chương trình hữu sản hóa phải được chia xẻ công bình đến tận tay đồng bào sơn cước nhất là về phương diện Canh nông và ngư nghiệp. Sở dĩ người sơn cước sống đời du canh là vì họ thiếu phương tiện, thiếu phương pháp, trồng trọt ít ỏi, sống kiến bị giới hạn, do đó không thể tích lũy tư bản và tự phát triển được.

- Trên phương diện ngư nghiệp người Sơn cước cũng đánh cá để sinh sống tại các sông giáp biên giới Miền Việt (sông ShrépôK) hai bên bờ sông Ba, Dakla, đây cũng là nguồn thực phẩm đáng kể cho đồng bào Cao nguyên. Như vậy cần hữu sản hóa cho các ghe nhỏ với máy dò tôm để đánh cá và chuyên vận trên các sông lạch, lưới cá và các dụng cụ đánh cá tại đây.

Ngoài ra, tại các quận lỵ, tỉnh lỵ người sơn cước cũng phải được

chính phủ chú ý đến để họ được hưởng đồng đều những chương trình hữu sản hóa công nhân xe Lambretta, xe Cyclo đạp và thực hiện những chương trình xây cất cư xá công cuộc để bán trả góp cho người sơn cước cũng như người Kinh tại Cao nguyên. Đây có thể nói là biện pháp nâng đỡ và cũng là biện pháp nhằm hội nhập xã hội thiểu số vào với đa số.

B.- TRÊN BÌNH DIỆN XÃ HỘI.

Chúng tôi xin ghi nhận những kết quả sau :

- Tổ chức trường tá viên điều dưỡng tại Ban-Mê-Thuột
- Đẩy mạnh chương trình đào tạo cán bộ Y-tế, cán sự, tá viên, nữ hộ sinh Quốc gia.
- Vận động với các cơ quan bạn giúp thêm máy cày, heo, gà giống.
- Công tác kiến điền cho các đồng bào sắc tộc.

Các biện pháp trên không có gì chắc chắn. Chính quyền thực hiện những biện pháp rời rạc. Cán bộ được đào tạo rất nhiều nhưng không được sử dụng hoặc không sử dụng đúng chỗ. Để chấn chỉnh tình trạng trên thì những biện pháp nhằm phát triển đời sống xã hội trên cao nguyên phải được nằm trong dự án và được nghiên cứu kỹ lưỡng. Ngoài ra chúng tôi xin đề nghị những biện pháp sau đây :

- Cần phân phối đồng đều các cố gắng Quốc Gia để phát triển sâu rộng các tổ chức xã hội tại các buôn, plei của người sơn cước, thiết lập các cơ sở y-tế, cứu trợ, tiếp tế những nhu yếu phẩm như muối, mắm, gạo.
- Cần những biện pháp cứu trợ, tiếp tế, đặc biệt để xây dựng lại các sơn thôn thiếu an ninh, xa xôi để giúp các khu vực hay bộ lạc trước đây không được ưu đãi thăng tiến về phương diện kinh tế xã hội.
- Cần thiết lập thêm những chương trình huấn nghệ.

C.- TRÊN BÌNH DIỆN GIÁO DỤC.

Việc phát triển đồng bào sơn cước ở khu vực này không phải chỉ trông đợi vào một bản văn hay thái độ một chiều của chính phủ mà chính đồng bào sơn cước phải có thái độ tích cực, phải cầu tiến và thiết tha cố gắng hội nhập vào Xã hội Việt Nam qua những điều kiện đặc biệt mà chính

phủ đã dành cho đồng bào sơn cước, để sự bất bình đẳng pháp lý dần dần được thay thế bằng một bình đẳng thật sự.

Sự nâng đỡ của chính phủ chỉ có tính cách giai đoạn chứ không phải trường kỳ. Muốn vậy chính quyền cần có một kế hoạch nâng đỡ đồng bào sơn cước về mặt giáo dục. Trên phương diện này việc tiên quyết là :

- Thanh toán trong một thời gian xác định nạn mù chữ, nhất là phổ biến sâu rộng chữ Quốc ngữ.

- Xây cất trường học đến tận buôn, Plei để con em sơn cước có nơi học hành.

- Soạn thảo sách giáo khoa đầy đủ bằng thổ ngữ có chú thích thêm chữ Quốc ngữ nhằm mục đích xây dựng lý tưởng Quốc gia và tạo dựng căn bản cho sự đoàn kết dân tộc.

- Lập thêm các ký túc xá và các hội Tương trợ Kinh Thương để giúp đỡ các học sinh sơn cước có thêm phương tiện học hành.

- Phải đào tạo thêm giáo viên và giáo sư sơn cước để các vị này hướng dẫn đồng bào sơn cước. Con số đào tạo từ trước đến nay quá ít so với nhu cầu phát triển giáo dục khẩn thiết tại Cao Nguyên.

- Cần phát triển chương trình khuyến học tại Cao nguyên bằng biện pháp cấp học bổng cho tất cả các học sinh Thượng bậc Sơ học, tiểu học. Nếu được, nên thành lập Ký Túc Xá học sinh nghèo, hay trung tâm tiếp đón tại các quận lỵ, tỉnh lỵ để nơi đây sẽ nuôi ăn, ở cho các thanh thiếu niên Sơn cước theo học tại các trường tiểu học và Trung học. Chương trình rộng lớn này có thể kêu gọi sự đóng góp của các cơ quan xã hội và cơ quan từ thiện ngoại quốc.

Cũng trên phương diện này các chính quyền địa phương khuyến khích tập hợp nhiều buôn ấp cùng một sắc dân tại địa điểm. Hiện tại vì lý do an ninh, nhiều buôn ấp đã dời về tỉnh lỵ, quận lỵ, chính quyền địa phương cũng nên củng cố sự tập trung này và đẩy mạnh công cuộc phát triển các cơ sở Giáo dục, Y-tế, Xã hội để định cư họ.

D.- TRÊN BÌNH DIỆN HÀNH CHÁNH VÀ CHÁNH TRI.-

Các biện pháp áp dụng dưới thời Đế II Cộng Hòa, ngoài việc kiện -

toàn tổ chức nội bộ của một cấp bộ với tất cả các chức chương do người thiểu số nắm giữ, bộ Phát Triển Sắc Tộc đã :

- Phối hợp cùng cơ quan bạn, kiện toàn nền Hành Chánh Xã, Ấp.
- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn, đề cử các viên chức sắc tộc nắm giữ chức vụ chỉ huy Hành chánh.
- Tổ chức cuộc đề cử lựa chọn 32 Hội viên thực thụ và 8 Hội viên dự khuyết cho Hội Đồng Sắc Tộc
- Hướng dẫn đồng bào tham gia các cuộc bầu cử.
- Mở các khóa Tham Sự Hành Chánh Đặc biệt cho các Thanh niên Sắc Tộc
- Thành lập Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Quốc Gia vùng Cao Nguyên tại PleiKu để đào tạo cán bộ.

Chúng ta thấy rằng việc quản trị Hành chánh địa phương không phải là công tác của Bộ Phát Triển Sắc Tộc mà chỉ có Tòa Hành Chánh Tỉnh, Quận mới là cơ quan phối hợp các hoạt động của khu vực này.

Chúng ta phải để cho đồng bào sơn cước đóng vai trò chủ động trong công tác cải cách trong việc nghiên cứu và thẩm định những nhu cầu cải cách tại Cao Nguyên hơn là để cho họ đóng vai trò phụ thuộc qua các cơ quan Phát Triển Sắc Tộc địa phương. Vì đây là nơi sinh sống từ lâu của người sơn cước và họ chiếm tỉ lệ khá cao so với người Việt.

Từ thời Đế I Cộng Hòa không biết bao nhiêu người đã tốt nghiệp Học-Viện Quốc Gia Hành Chánh hoặc Sĩ quan sơn cước tốt nghiệp tại các quân - trường nhưng trong 7 tỉnh tại Cao Nguyên chỉ vón vẹn một tỉnh PleiKu do người sơn cước chỉ huy.

Các luật bầu cử Quốc Hội năm 1955, 1959, 1963 đã không đề cập riêng biệt đến đồng bào sơn cước. Chính quyền đã quan niệm rằng một khi đã chủ-trương Kinh Thượng bình đẳng thì việc gì người Kinh làm được, người Thượng cũng làm được. Trong suốt nhiệm kỳ Quốc Hội I, II, III dưới thời đệ nhất Cộng Hòa chỉ một số nhỏ người Sơn Cước được chính quyền ủng hộ mới lọt vào được Quốc Hội. Đây là một chủ trương tiến bộ nhưng lại không phù hợp với thực trạng đồng bào Sơn Cước Miền Nam.

Hiện tại người Thượng vẫn thường mặc cảm khi thân thuộc họ chưa được chính quyền xử dụng đúng chỗ, đúng khả năng hoặc thấy con em họ chưa đóng góp tích cực khả năng mình trong công cuộc cải tạo Cao Nguyên. Vì vậy Cao Nguyên miền Nam phải giao phó cho người thực sự có uy tín với đồng bào địa phương, thực sự có khả năng và lập trường Quốc Gia vững chắc. Có như vậy mới có một sự hợp tác chân thành giữa đồng bào Sơn cước và đồng bào Việt Nam trong công cuộc cộng đồng đồng tiến để chống lại mọi âm mưu chính trị.

Nhìn vào thành quả của Sắc luật 033/67 chúng ta phải nhìn nhận rằng chính quyền hiện tại thực sự mở một con đường mới cho đồng bào sơn - cước.

Theo luật số 004/67 ngày 07.8.67 ấn định thể thức bầu cử Dân Biểu Hạ Nghị Viện, điều thứ 4 của luật này ấn định 6 ghế Dân Biểu cho đồng bào Sơn cước tại các đơn vị :

Quảng Ngãi 1 , Tuyên Đức 1 , Darlac 1
Kontum 1 , PleiKu 1 , Phú Bổn 1

6 ghế này đã chia đều cho các sắc dân :

Jarai 2 Rhadé 1
Sedang 1 Koho 1
Hré 1

Tuy nhiên số ghế Dân biểu đã rơi vào tay các sắc dân lớn tại Cao- Nguyên, còn các sắc dân nhỏ không có tiếng nói trên nghị trường.

Với Luật bầu cử 007/71 ngày 05.6.1971 điều 5 ấn định 1 số ghế nhưng với văn từ rõ ràng :

Quảng Ngãi 1 Tuyên Đức 1 Darlac 1
Kontum 1 PleiKu 1 Phú Bổn 1

Với luật 004/67 nếu giải thích rộng rãi thì người Thượng có quyền ứng cử bất cứ nơi nào trên lãnh thổ VNCH nếu ra ứng cử với tư cách công dân Việt Nam và xét thấy có đủ khả năng, ngoài đơn vị dành cho họ, nhưng với luật 007/71 người Thượng chỉ được ra ứng cử ở những đơn vị dành riêng cho họ mà thôi. Luật 007/71 có 2 khuyết điểm sau :

- Không nói rộng các đơn vị bầu cử cho Đồng bào Thượng tại Lâm Đồng Quảng Đức, trong lúc đó qua cuộc bầu cử Hội đồng Tỉnh thị ngày 26.4.1970 thành quả ghi nhận được số Nghị Viên Gốc Thượng chiếm 1/2 tổng số Nghị viên đặc cử, ghi nhận sự hiện diện của đồng bào sơn cước tại 2 tỉnh này :

Quảng Đức : 6 Nghị viên đặc cử có 3 Thượng, 3 Việt

Lâm Đồng : 6 Nghị viên đặc cử có 3 Thượng, 3 Việt.

- Không phù hợp với tinh thần Sắc luật 033/67 nhằm nâng đỡ đồng bào sơn cước, vì song song với biện pháp nâng đỡ chính sách phải được áp dụng nhịp nhàng theo đà tiến triển của đồng bào Sơn cước. Chính quyền cần phải chú trọng đến sự thoát khỏi sự nâng đỡ của quy chế 033/67 nghĩa là quy chế không được áp dụng cứng nhắc, kềm kẹp người Sơn cước, một khi họ đã tiến bộ theo kịp người Kinh thì tất nhiên họ phải được hưởng thụ mọi quyền hạn của công dân Việt Nam.

Ngoài ra, từ trước tới nay Cao Nguyên Trung phần vẫn được coi như là nơi đầy ắp công chức đồng bằng vô kỹ luật. Vì vậy phần lớn các công chức cán bộ phục vụ tại đây thiếu tác phong, thiện chí phục vụ gây bất mãn trong dân chúng, nhất là đồng bào sơn cước làm họ mất lòng tin ở chính quyền Trung ương. Vì vậy một chính sách sửa sai bổ dụng các công chức phục vụ tại Cao nguyên rất là khẩn thiết.

F.- TRÊN BÌNH DIỆN TƯ PHÁP.-

Sắc luật 006/65 đã tái lập các tòa án phong tục để xét xử các vụ tranh chấp giữa các đồng bào Sơn cước.

Tòa án phong tục và những thủ tục điều tra hình sự mang đặc tính bán khai khó có thể phán quyết công bằng và hợp lý, đó chính là lý do của sự bãi bỏ các Tòa án này của đệ Nhất Cộng Hòa.

Việc tái lập tòa án này sau cuộc cách mạng nhằm biểu dương sự tôn trọng và bảo vệ phong tục, tập quán của người Sơn Cước. Song lẽ cũng cần phải cải tiến hệ thống pháp luật bán khai cho phù hợp với sự tiến triển của Quốc Gia cũng như để cho đồng bào sơn cước được hưởng một chế độ tư pháp công bằng hợp lý.

Các tòa án phong tục chỉ là các tòa án sơ thẩm và quyền chung thẩm

là do Pháp đình Việt Nam ở cấp ThượngTham.

Trên phương diện tư pháp, chúng ta thấy cũng cần thực hiện những công tác sau :

- Tu nghiệp và đào tạo các Tham phán sơn cước để thay thế vai trò hòa giải của các Quận Trưởng.

- Nâng đỡ sinh viên sơn cước theo học ngành Luật để đào tạo Luật-Su Chánh Án người Sơn cước.

- Khuyến khích việc áp dụng luật lệ quốc gia và những án lệ của Pháp đình Việt Nam.

- Khuyến khích việc diễn chế các luật phong tục mới dựa vào bộ luật Biduê của người Rhadé, bộ luật Nri của người Sré và "tập quán Pháp" của người Stieng với hệ thống Pháp luật Quốc Gia.

∴

Dù sao chính sách Thượng Vụ hiện tại muốn được thực hiện hữu hiệu cần phải đặt trọng tâm trước tiên vào việc đào tạo Cán Bộ Thượng Vụ. Người ta thường nói "Chính sách hay mà không có cán bộ thì chính sách đó không thể nào thực hiện được, có cán bộ mà không được huấn luyện đầy đủ thì việc thực thi chính sách sẽ lệch lạc và sẽ không đem lại kết quả mong muốn".

}

THƯ TỊCH

I.- SÁCH.-

- Lê-đình-Chi "Văn-đề đồng-bào Sơn Cưóc tại VNCH"
luận-án Tiến-Sĩ, năm 1971
- Nguyễn-Trắc-Dĩ "Tìm hiểu phong-trào tranh-đấu FUIRO"
Bộ Phát-Triển Sắc Tộc. Năm 1969
- Bùi-Đình "Đường lên xứ Thượng". Saigon 1963
- Paul-Nur "Sơ Lược Chánh-Sách Thượng Vụ trong lịch sử
Việt-Nam. Bộ PTST. Năm 1966
- Scalapino-Robert "Montagnards of the South-VN Highlands"
Saigon. Năm 1961
- G.s. Nguyễn-văn-Thành "Định-chế Bắc-Biệt về đồng-bào Thượng"
tạp Giảng-Văn năm thứ tư Cử-Nhân Luật-Khoa. Niên khoá 1971-1972

II.- BÀI VỞ.-

- Touneh-Hàn-Thọ "Địa-lý Nhân-Văn các sắc dân Thượng" Nguyệt-San
PTST số 5. Năm 1972
- Paul-Nur "vấn đề nâng-dỡ đồng-bào các sắc-tộc và chương-trình
Phát-Triển sơn-thôn năm 1970" Bộ PTST. Năm 1970
- Thành-Tích hoạt-động của Bộ PTST từ ngày 18-6-1971 đến ngày
17-6-1972. Bộ PTST. Năm 1972

III.- LUẬN VĂN.-

- PHẠM TRẦN ANH "Cao-Nguyên trong công-cuộc phát-triển Quốc-Gia"
luận-văn tốt-nghiệp ban Cao-Học năm 1969.
- Đỗ-Hữu-Long "Văn đề Dân-Tộc thiểu-số tại Việt-Nam" Luận-Văn tốt-
nghiệp ban Đốc-Sự Hành-Chánh năm 1968.